

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN MIỀN NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 456/CBTT-PBMN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh;
- Quý Cổ đông.

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam**

- Mã chứng khoán: SFG

- Địa chỉ: Số 125B Cách mạng tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

- Điện thoại liên hệ: 02838.325.889

Fax: 02838.322.807

- E-mail: congty@phanbonmiennam.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố: “Báo cáo thường niên năm 2023” của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/3/2024 tại đường dẫn <http://www.phanbonmiennam.com.vn/co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



Nguyễn Hồng Trường

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM



MỤC LỤC



1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



01 >>>

THÔNG TIN CHUNG

- 1 Thông tin khái quát
- 2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 4 Định hướng phát triển
- 5 Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần phân bón Miền Nam tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công Thương – Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam được thành lập theo quyết định số 426/HC-QĐ ngày 19/4/1976 của Tổng Cục Hóa Chất Việt Nam.

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam đã chính thức chuyển đổi hình thức quản lý sản xuất kinh doanh sau 34 năm thành lập sang hoạt động mô hình cổ phần hóa chính thức từ ngày 01/10/2010.



Mã cổ phiếu: SFG

Mệnh giá cổ phần 10.000 đồng

Tổng số cổ phần 47.897.333

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300430500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 20/09/2010, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 22/10/2021.

Địa chỉ: 125B Cách Mạng Tháng Tám, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số điện thoại: (028) 3832 5889 – 3839 3931

Số fax: (028) 3832 2807

Website: <https://phanbonmiennam.com.vn/>

VỐN ĐIỀU LỆ (VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU)

478.973.330.000 đồng

Bằng chữ Bốn trăm bảy mươi tám tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng

SẢN PHẨM NỔI BẬT



Phân bón Miền Nam
NPK 20 - 20 - 15 + TE
Dạng 1 hạt



Phân bón Miền Nam
BÔNG LÚA NĂNG SUẤT VÀNG



Phân bón Miền Nam
BÔNG LÚA NỞ BỤI



Phân bón Miền Nam
Supe Lân Long Thành



Phân bón Miền Nam
SFJC BIO GOLD G.A.P



PHÂN BÓN LÁ YOGEN
Yogen Beta Kali Humate

Quá trình hình thành và phát triển



Năm 2023

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam tiếp tục tăng cường đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, kịp thời nắm bắt các cơ hội từ nền kinh tế đang dần hồi phục đảm bảo lợi ích của khách hàng và lợi tức các cổ đông.

Năm 1976

Ngày 19/04/1976, Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công Thương và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam được thành lập theo quyết định số 426/HC-QĐ của Tổng cục Hóa chất Việt Nam.



Năm 2010

Ngày 01/10/2010, Công ty Phân bón Miền Nam chính thức chuyển đổi hình thức kinh doanh sang hoạt động mô hình cổ phần hóa với số vốn điều lệ là 377.000.000.000 đồng.



Năm 2012

Ngày 12/06/2012, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu thành công để trả cổ tức, nâng vốn điều lệ lên 414.699.980.000 đồng.



Năm 2013

Ngày 03/11/2013, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu thành công để trả cổ tức, nâng vốn điều lệ lên 435.433.060.000 đồng.



Năm 2014

Ngày 01/12/2014, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam đã chính thức giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán SFG và số lượng 43.543.306 cổ phiếu.

Công ty có 9 đơn vị trực thuộc và một liên doanh với tập đoàn LG Chem, Hàn Quốc. Ngoài ra, Công ty còn thành lập Trung tâm Nghiên cứu và phát triển Phân bón, chuyên nghiên cứu, phân tích và cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật trên thế giới về nông nghiệp.



Năm 2021

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam tổ chức ngày kỷ niệm 45 năm thành lập (19/04/1976 - 19/04/2021).

CÁC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
2011	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác, sản xuất các chất phụ gia dùng cho sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng (trừ hóa chất có tính chất độc hại mạnh và không sản xuất tại trụ sở) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).
2012 (Chính)	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: Sản xuất phân bón các loại (supe lân, NPK, phân bón lá Yogen) (không hoạt động tại trụ sở)
2021	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Chi tiết: Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật. (không hoạt động tại trụ sở)
2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì PP và PE (Không hoạt động tại trụ sở)
2394	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất xi măng (không hoạt động tại trụ sở)
1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> Kinh doanh phân bón các loại (supe lân, NPK, phân bón lá Yogen); Kinh doanh xi măng; Kinh doanh axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác; Bán buôn thuốc bảo vệ thực vật; Kinh doanh bao bì PP và PE (Trừ tồn trữ hóa chất và kinh doanh hoá chất có tính độc hại tại trụ sở) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Chế tạo, lắp đặt các thiết bị, dây chuyền sản xuất hoá chất.(không tồn trữ hóa chất tại trụ sở) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản.
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, máy móc, phụ tùng thay thế và nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất phân bón và hoá chất (không tồn trữ hóa chất tại trụ sở) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh cơ sở hạ tầng và đầu tư khu dân cư. Kinh doanh bất động sản. Cho thuê kho, bãi (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản).
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi).
5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Kinh doanh khai thác cảng biển.
5224	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa, dịch vụ đóng gói liên quan đến vận tải, dịch vụ cân xe (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không).



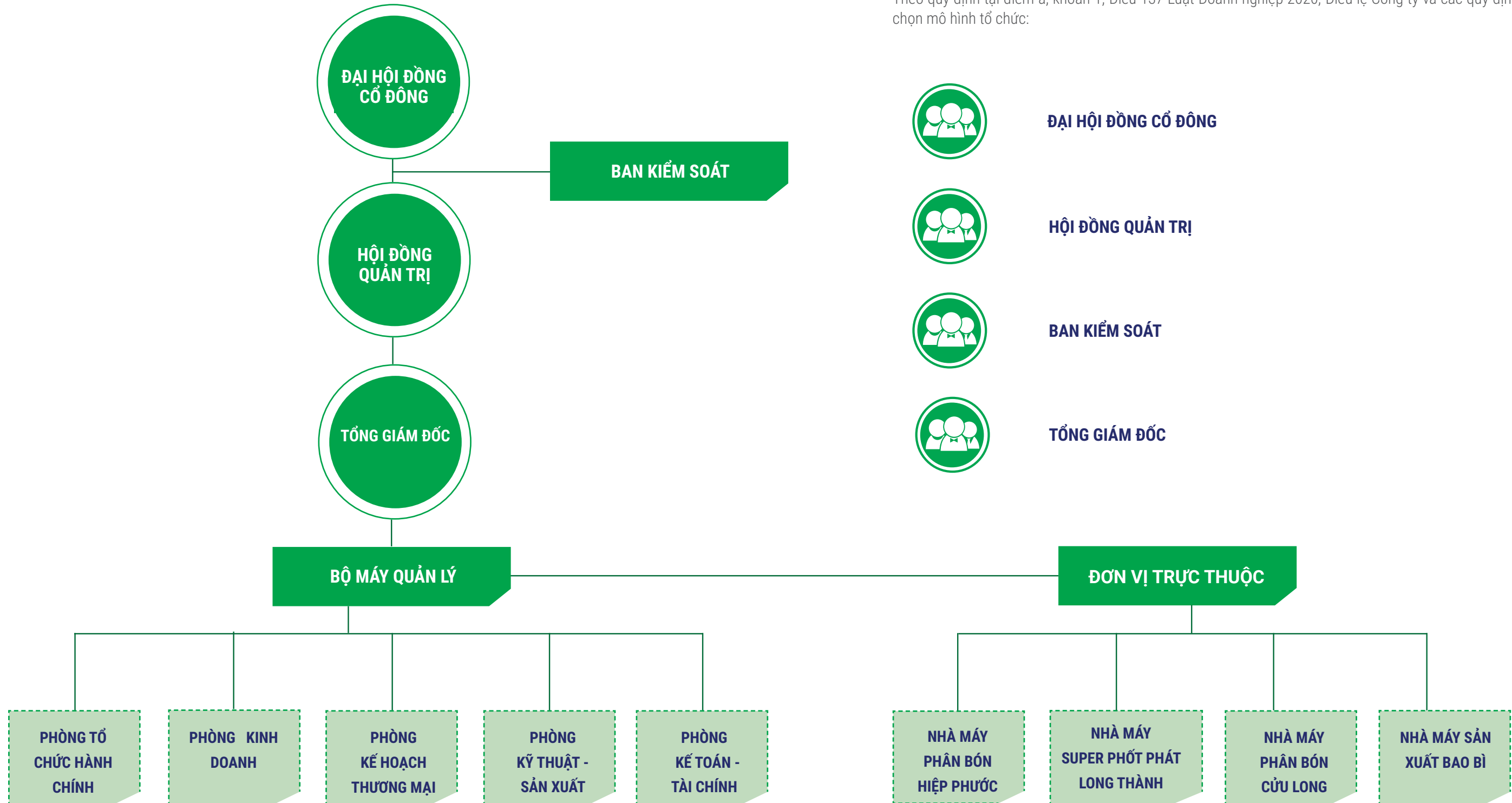
ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Trong nước:** Hoạt động trên cả nước nhưng chủ yếu tập trung ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, miền Trung, Tây Nguyên và một số tỉnh miền Bắc.
- Nước ngoài:** Hàn Quốc, Phillipines, Malaysia, Campuchia, Lào, Myanma, Ghana...



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan, SFG lựa chọn mô hình tổ chức:



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (TIẾP THEO)

CÔNG TY CON

Không có.

CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VĐL thực góp (USD)	Vốn góp của SFG (USD)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
Công ty TNHH Hoá chất Chất Hoá dẻo VINA (Công ty TNHH Hoá chất LG VINA)	115 Đường Nguyễn Huệ, Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh hoá chất	5.700.000	1.995.000	35%



CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC



Nhà máy phân bón Hiệp Phước

Địa chỉ: Lô B2, Khu B, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3781 8964

Fax: (028) 3781 8962



Nhà máy Super Phosphate Long Thành

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Gò Dầu – Long Thành – Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 384 1188 – 382 7068

Fax: (0251) 384 1207



Nhà máy Phân bón Cừ Long

Địa chỉ: 405, QL1A, P. Tân Hòa, TP Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: (0270) 382 2421 – 382 2910

Fax: (0270) 380 0215



Nhà máy sản xuất bao bì







Địa chỉ: C1/3 Tân Kiên, Huyện Bình Chánh, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3875 0242

Fax: (028) 3875 0242




Định hướng phát triển

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

-  Triển khai tốt kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ và HĐQT phê duyệt;
-  Nghiên cứu phát triển, sản xuất ra những sản phẩm chất lượng, thân thiện với môi trường, phục vụ nền nông nghiệp, góp phần nâng tầm nông sản Việt;
-  Tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước để quảng bá sản phẩm. Tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh thương mại, tìm kiếm khách hàng mới để xuất khẩu phân bón, đặc biệt chú trọng thị trường Cambodia và Myanmar;
-  Áp dụng công nghệ vào hoạt động quản lý nhằm nâng cao năng suất, thúc đẩy phát triển nông nghiệp hiện đại đúng theo chiến lược HĐQT đề ra;
-  Mở rộng thị phần nhằm mang lại việc làm, thu nhập cho người lao động, lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ Nhà nước;
-  Công tác quan hệ Nhà đầu tư đều đáp ứng về tính tuân thủ, hướng tới chuẩn mực quốc tế.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

-  Tăng cường công tác nghiên cứu và nâng cao chất lượng sản phẩm mới đa dạng về chủng loại, mẫu mã, hàm lượng dinh dưỡng cao đáp ứng được các nhu cầu ngày càng tăng của thị trường;
-  Củng cố và phát triển thị trường trong nước là ưu tiên hàng đầu để nâng cao thị phần, chủ động mở rộng thị trường xuất khẩu;
-  Nâng cao năng lực quản trị trong công tác điều hành, áp dụng công nghệ trong quản lý, duy trì, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.



Định hướng phát triển



CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Công ty nhận thức được rằng để phát triển bền vững thì ngoài những mục tiêu chủ yếu là đem lại những sản phẩm chất lượng nhất và lợi ích tối đa cho các cổ đông, Ban lãnh đạo của Công ty luôn chú ý đến các hoạt động sản xuất sẽ ảnh hưởng thế nào lên môi trường và xã hội xung quanh.



Đối với người lao động

Công ty luôn nỗ lực tạo điều kiện để người công nhân viên trong Công ty luôn được hưởng các chính sách đãi ngộ, phúc lợi tốt nhất để tạo động lực làm việc và giữ chân người lao động gắn bó lâu dài với Công ty. Người lao động luôn được tham gia đầy đủ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp... theo đúng quy định của Nhà nước.

Công ty luôn xây dựng một môi trường làm việc thân thiện và năng động để công nhân viên phát huy được hết năng lực của mình, đảm bảo quá trình thăng tiến luôn công bằng và minh bạch.



Đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Công ty đã nghiên cứu và phát triển những sản phẩm hữu cơ thân thiện với môi trường nhằm phục vụ nền nông nghiệp theo định hướng của Chính phủ và không gây ảnh hưởng xấu đến cảnh quan, môi trường xung quanh. Bên cạnh đó, Công ty luôn cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng và xã hội, chung tay góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp và phát triển bền vững.



Các rủi ro



RỦI RO KINH TẾ

Năm 2023 tiếp tục là một năm đầy sóng gió khi thế giới phải đối mặt với các cuộc "đa khủng hoảng" ở tất cả các lĩnh vực trên phạm vi toàn cầu, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm; lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công thế giới đã tăng lên mức kỷ lục, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine phức tạp hơn, bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng gia tăng. Trước bối cảnh đó, các tổ chức quốc tế đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu thấp hơn tốc độ tăng trưởng năm 2022.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, khó khăn nhiều hơn thuận lợi, năm 2023 khép lại khi kinh tế Việt Nam có xu hướng phục hồi, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn trong nền kinh tế như: cân đối giữa đối mới, ổn định phát triển tuân theo các quy luật của thị trường; cân đối giữa phát triển kinh tế nhanh với việc đảm bảo tiến bộ công bằng xã hội; cân đối giữa nội lực và ngoại lực; cân đối giữa ưu tiên ngắn hạn với mục tiêu dài hạn; cân đối nguồn lực tài chính quốc gia được đảm bảo. Trong đó, tính chung cả nước năm 2023, GDP tăng 5,05% so với năm trước, cao hơn tốc độ tăng 2,87% và 2,55% của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023, cho thấy kinh tế Việt Nam duy trì đà tăng trưởng tích cực. Trong đó, sản xuất nông nghiệp năm 2023 tiếp tục là một trong những trụ đỡ vững chắc của nền kinh tế, với tăng trưởng đạt 3,83%. Kim ngạch xuất khẩu một số sản phẩm nông nghiệp tăng cao do ứng dụng mô hình công nghệ cao đã mang lại hiệu quả kinh tế.

Liên quan đến giá phân bón thế giới và trong nước, năm 2021 và 2022 được coi là thời kỳ thịnh vượng, đặc biệt đối với nhiều doanh nghiệp phân bón, nhờ kết quả của sự tăng giá mạnh của phân bón cũng như sự thuận lợi của thị trường xuất khẩu. Tuy nhiên, chuyển sang năm 2023, với việc giá phân bón giảm xuống, cùng với việc chi phí đầu vào vẫn duy trì ở mức cao, ngành công nghiệp phân bón đang đối mặt với một bức tranh kinh doanh khá khó khăn. Theo dự báo của Hiệp hội Phân bón Thế giới, tốc độ tăng trưởng của tiêu thụ phân bón trên thế giới sẽ chậm lại trong trung hạn, từ mức 4% trong năm tài chính 2023 xuống 1,3% trong năm tài chính 2027. Tại thị trường Việt Nam, vào thời điểm quý I năm 2024, giá phân bón Ure đã tăng rõ rệt, nguyên nhân chính là Trung Quốc – quốc gia sản xuất Ure lớn của thế giới yêu cầu các doanh nghiệp trong nước tạm dừng xuất khẩu phân bón Ure để hạ nhiệt giá phân bón trong nước dẫn tới tình trạng khan hiếm hàng cục bộ.

Đứng trước những thách thức trong giai đoạn bản lề này, Công ty xác định các rủi ro then chốt và triển khai các giải pháp quản trị rủi ro hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong ngắn hạn, Công ty thực hiện biện pháp an toàn hiệu quả trong điều kiện giá nguyên vật liệu biến động, thị trường cạnh tranh khốc liệt. Trong dài hạn, Công ty đa dạng hóa sản phẩm mới, ổn định và phát triển sản phẩm truyền thống nhằm mở rộng thị phần, khẳng định thương hiệu về sản xuất và kinh doanh phân bón tại thị trường nội địa, đồng thời gia tăng sản lượng xuất khẩu. Ngoài ra, Công ty vẫn sẽ đi theo tiêu chí phát triển ổn định, an toàn, lành mạnh, hiệu quả, bền vững, hội nhập với xu thế công nghệ và tiếp tục trở thành thương hiệu uy tín trên thị trường.

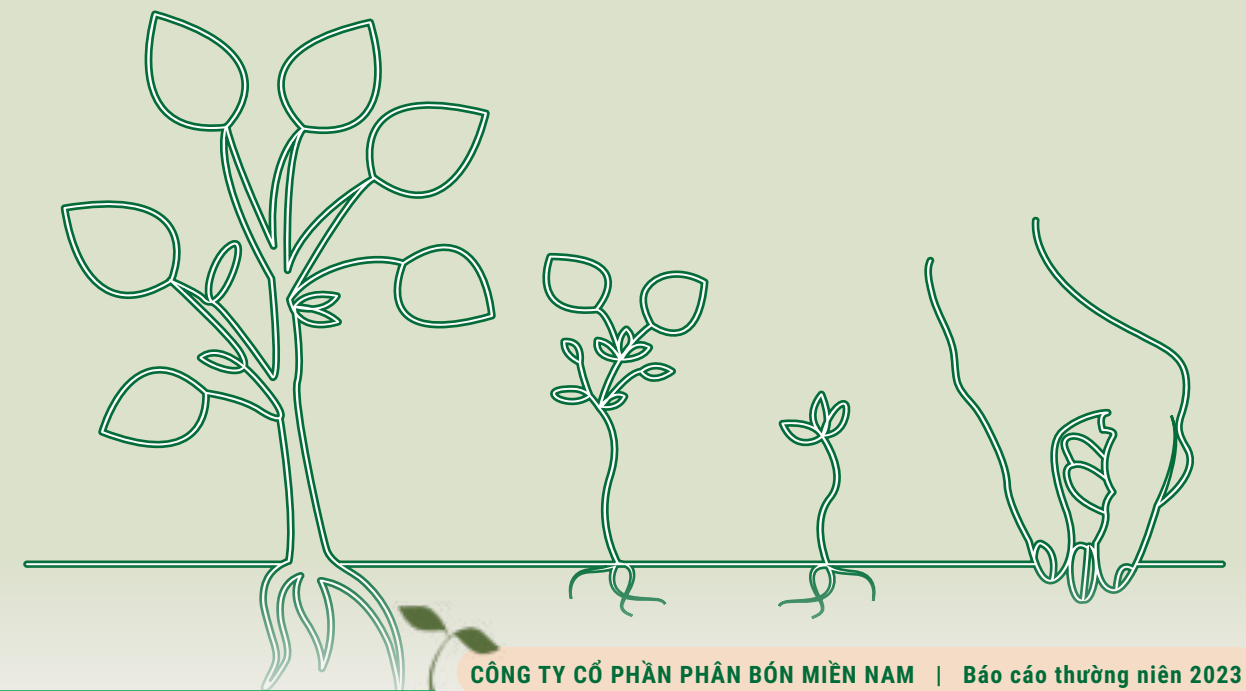


RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam là Công ty đại chúng và hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên hoạt động của Công ty cần phải đảm bảo tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động,... cũng như các văn bản luật, thông tư và nghị định liên quan khác. Bên cạnh đó, với đặc thù là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành phân bón và hóa chất, Công ty còn phải chịu sự chi phối từ Luật trồng trọt, các văn bản quy phạm liên quan đến lĩnh vực phân bón như: Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật,... tại Việt Nam và quốc tế. Ngoài ra, Công ty có hoạt động xuất khẩu, nên cần điều chỉnh các tỷ lệ sản phẩm sao cho phù hợp với điều kiện trồng trọt của các nước có nhu cầu nhập khẩu.

Trong những năm gần đây, tình hình kinh tế có nhiều biến động, các văn bản quy phạm pháp luật theo đó cũng luôn được cập nhật, sửa đổi, bổ sung kịp thời để hoàn thiện với từng giai đoạn. Đặc biệt, các quy định về việc công bố thông tin cũng được điều chỉnh chi tiết, chặt chẽ hơn. Năm 2024 là một năm được dự báo sẽ có nhiều sự thay đổi trong thị trường chứng khoán, khi các cơ quan ban ngành thể hiện rõ quyết tâm trong việc nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam.

Để quản trị rủi ro pháp luật hiệu quả, Công ty tích cực theo dõi sát sao mọi thay đổi trong các quy định pháp luật, đảm bảo rằng hoạt động của Công ty luôn phù hợp với các yêu cầu mới nhất. Bằng cách rà soát định kỳ các quy trình, chính sách, và thực tiễn nội bộ, Công ty kịp thời phát hiện và điều chỉnh các điểm chưa phù hợp, từ đó giảm thiểu rủi ro pháp lý và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động. Việc này không chỉ giúp Công ty chủ động ứng phó với các biến động pháp lý mà còn củng cố uy tín và tăng cường niềm tin với các bên liên quan.



Các rủi ro (tiếp theo)



RỦI RO LÃI SUẤT

Trước tình hình lạm phát toàn cầu, tính từ tháng 3 năm 2022 đến nay, Fed đã nâng lãi suất 11 lần liên tiếp trong chiến dịch chống lạm phát, đưa lãi suất quỹ liên bang lên 5,25-5,5%. Tuy nhiên, theo dự báo của nhiều tổ chức, Fed có khả năng sẽ tăng thêm 0,25% để nâng mức lãi suất mục tiêu lên 5,5%-5,75% vào tháng 5 năm 2024 để tiếp tục điều chỉnh lạm phát trước khi bắt đầu chu kỳ giảm lãi suất ở cuối năm 2024. Bên cạnh đó, trong năm 2023, Ngân hàng Nhà nước đã điều hành giảm lãi suất để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế thông qua việc liên tục điều chỉnh giảm 4 lần các mức lãi suất điều hành, với mức giảm 0,5-2,0%/năm, trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao. Trong bối cảnh đó, những động thái nới lỏng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong chính sách tiền tệ trên làm giảm áp lực chi phí lãi vay và mở ra nhiều cơ hội tiếp cận vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh cho rất nhiều doanh nghiệp.

Hiện tại, Phân bón Miền Nam đang sử dụng hơn 38,91% vốn vay trên tổng nguồn vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và mua hàng hóa, Công ty luôn theo dõi sát sao và liên tục đánh giá về mức độ ảnh hưởng của các chính sách tiền tệ cũng như chính sách cho vay của các Ngân hàng, để đưa ra những quyết định về tài chính một cách hợp lý và hiệu quả nhất.



RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam tập trung sản xuất hai loại phân bón chính, NPK và Supe Lân, dựa vào nguyên liệu nhập khẩu như Ure, Kali, lưu huỳnh và nguyên liệu khan hiếm trong nước như Apatit hiện nay. Sự hạn chế nguồn cung từ Trung Quốc và Nga đã tạo ra khó khăn, gây ra tăng giá nguyên liệu và ảnh hưởng đến sản xuất. Trong tình hình biến động của nguồn cung và giá nguyên vật liệu vào năm 2024, lợi nhuận của công ty bị tác động bởi chi phí nguyên liệu đầu vào.

Để giảm thiểu sự ảnh hưởng tiêu cực từ giá nguyên vật liệu đầu vào, Công ty đã áp dụng các biện pháp linh hoạt như dự báo kế hoạch sản xuất dựa trên kịch bản biến động và đàm phán giá với nhà cung cấp. Đồng thời, Công ty cũng tìm kiếm đối tác cung cấp nguyên liệu mới, nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định với chi phí hợp lý, để hoạt động sản xuất kinh doanh được liên tục và hiệu quả.



Các rủi ro (tiếp theo)



RỦI RO THỊ TRƯỜNG ĐẦU RA

Từ khi gia nhập các Hiệp định tự do thương mại, bất kỳ một sự thay đổi nào về giá phân bón thế giới cũng sẽ tác động ngay đến giá phân bón trên thị trường nội địa vì luôn phải cạnh tranh quyết liệt với phân bón nhập khẩu nước ngoài và nguồn hàng nhập khẩu tiểu ngạch các nước lân cận.

Trước áp lực này, Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam là nhà sản xuất và kinh doanh phân bón luôn phải cân bằng giữa rủi ro và cơ hội để quyết định bán sản phẩm ở mức giá hợp lý sát với giá thị trường tại các thời điểm nhằm giữ vững thị phần và duy trì lợi thế cạnh tranh.

Trong những năm gần đây, nông nghiệp hữu cơ cũng là một trong những mục tiêu quan trọng được Chính phủ đề ra để phát triển nông nghiệp Việt Nam bền vững. Cụ thể hóa cho mục tiêu này, đến năm 2030, lượng phân bón hữu cơ cần chiếm trên 30% lượng phân bón cung ứng trên thị trường và được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp nhiều hơn 2 lần so với năm 2020. Phân bón hữu cơ có nguồn gốc tự nhiên giúp cải thiện sức khỏe đất, tăng năng suất và chất lượng nông sản. Quan trọng hơn hết, trong bối cảnh nhu cầu lựa chọn thực phẩm an toàn của người tiêu dùng toàn cầu ngày càng tăng, việc sử dụng phân bón hữu cơ kết hợp với các loại phân vô cơ chất lượng cao trong sản xuất nông nghiệp càng trở thành xu hướng tất yếu.

Thấu hiểu được tinh thần đó, Công ty đã phát triển các sản phẩm phân bón phù hợp với cơ cấu đất tại từng khu vực. Công ty để liên tục nghiên cứu thị trường, quan sát và cập nhật thị hiếu của người dân, từ đó đưa ra các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu thay đổi của khách hàng.



RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro đã nói trên, Công ty cũng phải đối mặt với một số rủi ro khác cũng tiềm ẩn nguy cơ xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, động đất, dịch bệnh,... Những rủi ro này thường rất ít khi xảy ra, rất khó dự báo nhưng khi xảy ra sẽ để lại những hậu quả khó lường cho Công ty cả về người và tài sản. Nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng, Công ty luôn chủ động bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty. Đồng thời, Công ty luôn cố gắng lường trước các kịch bản xấu và lên các phương án chủ động phòng ngừa và xử lý khi có biến cố xảy ra. Ngoài ra, Công ty đã luôn tích cực tập trung vào việc nâng cao kiến thức và kỹ năng của cán bộ công nhân viên về phòng cháy chữa cháy. Việc phổ cập kiến thức này không chỉ giúp tăng cường khả năng phản ứng nhanh chóng trong trường hợp khẩn cấp mà còn đảm bảo an toàn cho mọi người liên quan đến hoạt động sản xuất.





02 >>>

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2 Tổ chức và nhân sự
- 3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 4 Tình hình tài chính
- 5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2023

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Năm 2023/ Năm 2022
1	Doanh thu thuần	2.009.051	1.558.965	77,60%
2	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	64.076	49.254	76,87%
3	Lợi nhuận khác	(1.736)	7.727	-
4	Lợi nhuận trước thuế	62.340	56.981	91,40%
5	Lợi nhuận sau thuế	50.580	56.821	112,34%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	956	1.186	124,06%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	4%	(*)	-

(*) Cổ tức năm 2023 được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty.

Trong năm 2023, ngành sản xuất và kinh doanh phân bón trong nước tiếp tục đối mặt với nhiều thử thách và khó khăn, chủ yếu do tình hình chiến sự kéo dài và các vấn đề căng thẳng không giảm. Giá phân bón đã giảm so với năm 2022 nhưng vẫn còn ở mức cao. Tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ phân bón đã quay trở lại, nhưng vẫn không đạt mức của các năm trước. Sự cải thiện trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty chỉ thực sự bắt đầu từ quý III trở đi. Giá nguyên liệu đầu vào có xu hướng tăng làm cho biên lợi nhuận gộp của Công ty có phần sụt giảm. Tuy vậy, lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn chứng kiến sự tăng trưởng, đạt 56 tỷ đồng vào năm 2023, tăng 12,34% so với năm trước, một phần nhờ được hưởng lợi từ việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp so với năm 2022.

Trước tình hình kinh tế chung vẫn còn nhiều khó khăn, Phân bón Miền Nam nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem), cùng với sự hợp tác và ủng hộ của các đơn vị bạn trong cùng Ngành. Các cấp lãnh đạo Công ty luôn đoàn kết nhất trí và đồng lòng trong công tác điều hành Công ty hoàn thành những kế hoạch đã đề ra. Hơn hết, Phân bón Miền Nam có nội bộ người lao động luôn nỗ lực, phấn đấu, sáng tạo, góp phần đưa Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023		TH năm 2023 so với cùng kỳ	TH năm 2023 so với KH
				Kế hoạch	Thực hiện		
I Sản phẩm chủ yếu sản xuất							
1	Supe Lân các loại	Tấn	100.538	72.000	72.233	71,85%	100,32%
2	Phân bón NPK các loại	Tấn	80.550	90.000	73.261	90,95%	81,40%
3	Axit Sunphuric (H2SO4) tổng số	Tấn	83.214	72.000	68.949	82,86%	95,76%
4	Bao bì	1.000 Cái	6.159	8.000	7.262	117,91%	90,78%
5	Phân bón lá YOGEN	Tấn	31,70	40,00	37,05	116,88%	92,63%
II Sản phẩm chủ yếu tiêu thụ							
1	Supe Lân các loại	Tấn	58.413	72.000	84.186	144,12%	116,93%
2	Phân bón NPK	Tấn	84.449	90.000	70.133	83,05%	77,93%
3	KD nguyên liệu	Tấn	48.084	25.000	47.758	99,32%	191,03%
4	Axit Sunphuric (H2SO4) thương phẩm	Tấn	49.744	50.000	53.836	108,23%	107,67%
5	Bao bì	Cái	6.153	80.000	7.307	118,76%	9,13%
6	Phân bón lá YOGEN	Tấn	29,50	40,00	34,65	117,46%	86,63%
III	Tổng doanh thu	Triệu đồng	2.065.906	1.500.000	1.651.679	79,95%	110,11%
IV	Nộp ngân sách	Triệu đồng	37.122	27.460	11.655	31,40%	42,44%
V Xuất khẩu							
1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	USD	17.210	10.500	4.580	26,61%	43,62%
2	Số lượng SP xuất khẩu	Tấn	30.247	25.000	11.656	38,54%	46,62%
VI	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	38.096	20.000	56.981	91,40%	284,91%
VII	Cổ tức	%	4%	-	(*)		

(*) Cổ tức năm 2023 được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch HĐQT	26/04/2019
2	Đặng Tấn Thành	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	30/12/2021
3	Trịnh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	30/12/2021
4	Ngô Ngọc Quang	Thành viên HĐQT	29/04/2022
5	Hà Thái Sơn	Thành viên HĐQT	26/04/2019



Sơ yếu lý lịch từng thành viên Hội đồng quản trị

ÔNG NGUYỄN VĂN QUÝ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

» Ngày sinh: 18/07/1965

» Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hoá

» Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
1983 – 1991	Tổ trưởng sản xuất - Nhà máy Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao
1992 – 2000	Phó Bí thư, Bí thư Đoàn Thanh Niên - Nhà máy Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao
2002 – 2008	Chánh văn phòng - Nhà máy Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao
2011 – 2019	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Chủ nhiệm ủy ban Kiểm tra Đảng ủy - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
2018 – Nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
2020 – Nay	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

» Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy tại Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

» Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: không có
- Sở hữu đại diện: 11.999.879 cổ phần, chiếm 25,053% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 11.999.879 cổ phần, chiếm 25,053% vốn điều lệ (Tập đoàn Hóa chất Việt Nam)

TỔ chức và nhân sự (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sơ yếu lý lịch từng thành viên Hội đồng quản trị (tiếp theo)

ÔNG ĐẶNG TẤN THÀNH
Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

- » Ngày sinh: 02/08/1963
- » Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế - Ngành Quản trị Kinh doanh

» Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
1981 – 1993	Công nhân Xí nghiệp phân bón Cửu Long tại Công ty Phân bón Miền Nam
1993 – 2004	Nhân viên Tiếp thị - Bán hàng Xí nghiệp phân bón Cửu Long tại Công ty Phân bón Miền Nam
2005 – 2008	Phụ trách tiếp thị - Ban hàng tại Xí nghiệp Phân bón Cửu Long thuộc Công ty Phân bón Miền Nam
2008 – 2010	Trưởng phòng Kế hoạch - Thị trường Xí nghiệp phân bón Cửu Long tại Công ty Phân bón Miền Nam
2013 – 2015	Bí thư Chi bộ, Giám đốc Nhà máy Phân bón Cửu Long tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
2018 – 2019	Phó Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch Công đoàn Công đoàn Công ty tại Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
2019 – Nay	Bí thư Đảng ủy Thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc tại Công ty CP Phân bón Miền Nam; Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Hóa chất chất hóa dẻo VINA
2019 – Nay	Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Hóa chất chất hóa dẻo VINA

» Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Hoá chất chất hoá dẻo VINA

» Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 61.935 cổ phần, chiếm 0,129% Vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 9.579.467 cổ phần, chiếm 20% Vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 9.579.467 cổ phần, chiếm 20% Vốn điều lệ (Tập đoàn Hóa chất Việt Nam)

ÔNG TRỊNH QUỐC HÙNG
TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

- » Ngày sinh: 07/01/1974
- » Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa học – Ngành Quản trị Kinh doanh

» Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
1995 – 1997	Nhân viên y tế dự phòng Bệnh viện Bá Thước, xã Lâm Xa, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
2005 – 2012	Nhân viên phòng Tổng hợp Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
2014 – 2017	Đảng ủy viên, Phó phòng Tổ chức cán bộ - Hành chính Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
2018 – 2020	Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên ban kiểm tra Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Giám đốc Tổ chức - Hành chính - Công ty Phân bón Miền Nam
2020 – Nay	Ủy viên Ban Chấp hành Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam; Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn, Giám đốc Tổ chức - Hành chính Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
2021 – Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
01/08/2023 - Nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

» Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

» Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 3.049 cổ phần, chiếm 0,00% Vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 9.579.467 cổ phần, chiếm 20% Vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 9.579.467 cổ phần, chiếm 20% Vốn điều lệ (Tập đoàn Hóa chất Việt Nam)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

ÔNG NGÔ NGỌC QUANG

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- » Ngày sinh: 02/03/1979
- » Trình độ chuyên môn: Cử nhân

» **Quá trình công tác**

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
2002 – 2005	Cán bộ tín dụng - Chuyên viên Tín dụng doanh nghiệp - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
2007 – 2008	Phó phòng phụ trách phòng Đầu tư Dự án - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
2009 – 2012	Trưởng phòng Đầu tư - Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
2012 – 2013	Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Phương Tây - WTB
2013 – Nay	Thành viên HĐQT - Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam
2021 – Nay	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

» **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Thành viên HĐQT - Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam

» **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

- Sở hữu cá nhân: không có
- Sở hữu đại diện: không có
- Sở hữu của người có liên quan: không có

ÔNG HÀ THÁI SƠN

Thành viên Hội đồng quản trị

- » Ngày sinh: 15/10/1971
- » Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa học – Ngành QTKD

» **Quá trình công tác**

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
2000 – 2002	Chuyên viên, Công ty Bảo hiểm Dầu khí Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.
2002 – 2004	Phó phòng Kinh doanh Bảo hiểm 1, Công ty Bảo hiểm Dầu khí Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
2005 – 2007	Trưởng phòng Điều phối Giao nhận, Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí
2010 – 2013	Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bí thư Chi bộ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
2014 – 2018	Kinh doanh, đầu tư tự do
2018 – 2020	Bí thư Chi bộ, Giám đốc Nhà máy Phân bón Hiệp Phước trực thuộc Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam
2020 – Nay	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty; Bí thư Chi bộ, Giám đốc Nhà máy Phân bón Hiệp Phước trực thuộc Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam

» **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

» **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

- Sở hữu cá nhân: không có
- Sở hữu đại diện: không có
- Sở hữu của người có liên quan: không có

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Võ Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát	28/04/2023
2	Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên Ban Kiểm soát	28/04/2023
3	Trần Châu Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	28/04/2023

Những thay đổi trong Ban Kiểm soát năm 2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Phạm Đức Hoài	Trưởng Ban Kiểm soát	-	28/04/2023
2	Vũ Trịnh Diễm Hồng	Thành viên Ban Kiểm soát	-	28/04/2023
2	Võ Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát	28/04/2023	-
3	Trần Châu Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	28/04/2023	-

Sơ yếu lý lịch từng thành viên Ban kiểm soát

ÔNG VÕ ANH TUẤN
Trưởng Ban Kiểm soát

- » **Ngày sinh:** 11/02/1975
- » **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế - Ngành Tài chính tín dụng

» Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
06/2001 - 03/2006	Nhân viên kế toán Công ty TNHH xây dựng Thương mại Ngân Sơn
06/2006 - 12/2013	Nhân viên phòng kế toán Nhà máy phân bón lá Yogenmitsuivina trực thuộc Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam
01/2014 - 08/2015	Nhân viên phòng kế toán Nhà máy phân bón Hiệp Phước trực thuộc Công ty cổ phần Phân bón Miền Nam
09/2015 - 08/2019	Phó phòng kế toán Nhà máy phân bón Hiệp Phước trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
9/2019 - 6/2020	Phó phòng, Phụ trách phòng kế toán Nhà máy phân bón Hiệp Phước trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
07/2020 - 05/2021	Trưởng phòng kế toán Nhà máy phân bón Hiệp Phước trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
06/2021 - 08/2022	Phó Giám đốc Nhà máy phân bón Hiệp Phước trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
09/2022 - Nay	Phó bí thư - Phó Giám đốc Nhà máy phân bón Hiệp Phước trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

» **Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có

» **Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:**

- Sở hữu cá nhân: không có
- Sở hữu đại diện: không có
- Sở hữu của người có liên quan: không có

TỔ chức và nhân sự (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Thành viên Ban kiểm soát (tiếp theo)

BÀ NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG

Thành viên Ban Kiểm soát

- » Ngày sinh: 22/11/1983
- » Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

» Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
2005 – 2010	Trợ lý, kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
2010 – 2013	Kế toán tổng hợp Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam
2014 – 2019	Chuyên viên Ban Tài chính - Kế toán Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
2016 – Nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
2019 – Nay	Phó Trưởng phòng Quản lý tài chính dự án thuộc Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

» Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

» Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: không có
- Sở hữu đại diện: không có
- Sở hữu của người có liên quan: không có

ÔNG TRẦN CHÂU MINH

Thành viên Ban Kiểm soát

- » Ngày sinh: 14/12/1978
- » Trình độ chuyên môn: Kỹ sư; Cử nhân kinh tế

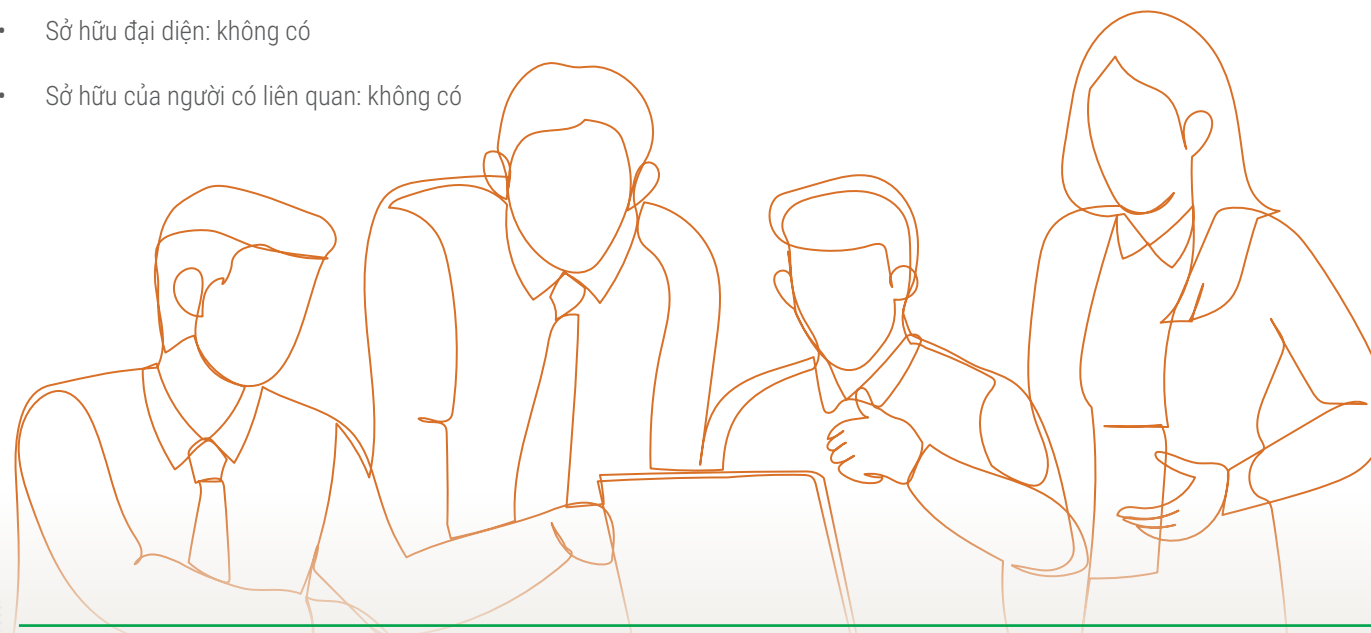
» Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
03/2002 – 06/2004	Nhân viên Công ty Cổ phần Công nghệ Á Châu Ngân Sơn
6/2004 – 11/2009	Nhân viên phòng Sản xuất Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
11/2009-9/2010	Phó phòng Sản xuất Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
9/2010- 5/2018	Phó phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
5/2018-3/2019	Phó Giám đốc Kỹ thuật Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
3/2019- 12/2021	Phó Giám đốc Kỹ thuật - Sản xuất Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
01/2022 - 14/06/2023	Phó Giám đốc phụ trách phòng Kỹ thuật - Sản xuất Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
23/04/2023 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
15/06/2023 - nay	Phó Giám đốc phụ trách phòng Kỹ thuật - Sản xuất Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

» Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

» Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: không có
- Sở hữu đại diện: không có
- Sở hữu của người có liên quan: không có



TỔ chức và nhân sự (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Thành viên và cơ cấu Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (CP) (*)		Tỷ lệ
			Cá nhân	Đại diện	
1	Đặng Tấn Thành	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	9.579.467	61.935	20,129%
2	Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	-	-	-
3	Đỗ Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	-	5	0,00%
4	Trịnh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	-	3.049	0,00%
5	Nguyễn Thị Hương	Kế Toán trưởng	-	-	-

Sự thay đổi trong Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Đỗ Văn Tuấn	Kế Toán trưởng	-	31/07/2023
		Phó Tổng Giám đốc	01/08/2023	-
2	Trịnh Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	01/08/2023	-
3	Nguyễn Thị Hương	Kế Toán trưởng	06/02/2024	-

Lý lịch từng thành viên Ban điều hành

ÔNG ĐẶNG TẤN THÀNH

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Được trình bày tại phần Lý lịch từng Thành viên Hội đồng quản trị

ÔNG VŨ MINH TUẤN

Phó Tổng Giám đốc

» Ngày sinh: 08/11/1970

» Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế - Ngành Quản trị Kinh doanh

» Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
1981 – 1993	Công nhân Xí nghiệp phân bón Cửu Long trực thuộc Công ty Phân bón Miền Nam
1996 – 2000	Trưởng ca sản xuất Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành trực thuộc Công ty Phân bón Miền Nam
2005 – 2008	Quản đốc phân xưởng Super Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành trực thuộc Công ty Phân bón Miền Nam
2008 – 2013	Trưởng phòng Kỹ thuật Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
2013 – 2017	Phó Giám đốc Nhà máy Phân bón Hiệp Phước trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
2019 – 2020	Giám đốc Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
2021 – Nay	Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó Tổng Giám đốc Công ty, Bí thư Chi bộ, Giám đốc nhà máy Nhà máy Super Phốt Phát Long Thành - Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

» Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

» Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có

Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

Lý lịch từng thành viên Ban điều hành (tiếp theo)

ÔNG ĐỖ VĂN TUẤN

Phó Tổng Giám đốc

- » Ngày sinh: 12/07/1978
- » Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Ngành Tin học Kinh tế, Kế toán Kiểm toán

» Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
2001 – 02/2004	Nhân viên Công ty TNHH Ứng dụng và Phát triển phần mềm tin học
03/2004 – 06/2011	Chuyên viên Phòng Kế toán Tài chính Công ty Phân bón Miền Nam
07/2011 – 01/2016	Trưởng phòng kế toán Nhà máy Phân bón Hiệp Phước trực thuộc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
02/2016 – 07/2016	Phó phòng Phụ trách phòng Kế toán Tài chính - Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
08/2016 - 05/2018	Trưởng phòng Kế toán Tài chính - Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
06/2018 – 31/07/2023	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
01/08/2023 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

» Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

» Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 5 cổ phần, chiếm 0,00% Vốn điều lệ

ÔNG TRỊNH QUỐC HÙNG

Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Được trình bày tại phần Lý lịch từng Thành viên Hội đồng quản trị

BÀ NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Kế toán trưởng

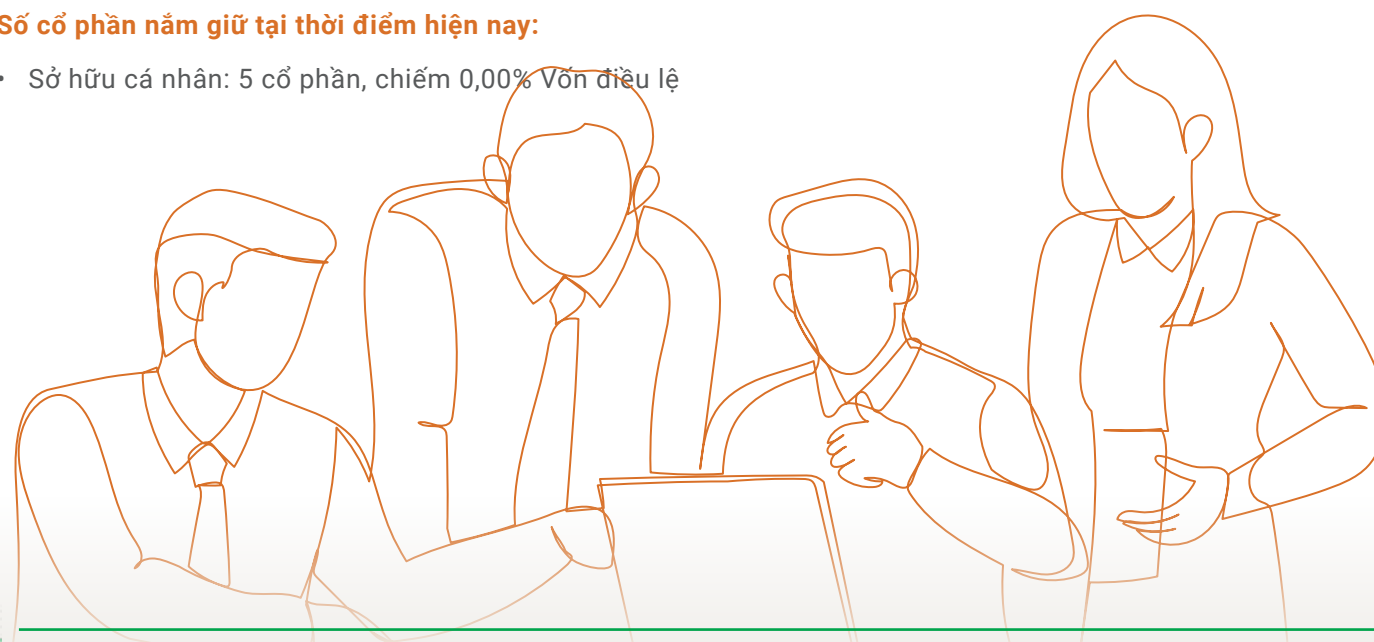
- » Ngày sinh: 24/10/1979
- » Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - ngành Kế toán

» Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ, Đơn vị công tác
11/2001 – 03/2008	Chuyên viên Phòng Kế toán Quỹ Hỗ trợ phát triển (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam)
04/2008 – 12/2008	Chuyên viên ban Quản lý dự án nhiệt điện – Tổng Công ty lắp máy Việt Nam
01/2009 – 12/2010	Kiểm soát viên kiêm Phụ trách Phòng Giao dịch Đồng Đa – Ngân hàng TMCP Đại Dương
01/2011 – 06/2014	Kế toán tổng hợp Ban Tài chính kế toán – Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy (SBIC); Thành viên Ban kiểm soát Công ty chế tạo giàn khoan dầu khí (PVShipyards)
07/2014 – 10/2017	Chuyên viên Phòng Kế toán - Tài chính – Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
05/2020 – 07/2023	Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Văn phòng Công ty, Phó Giám đốc Kế toán – Tài chính Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam
08/2023 đến nay	Phó Giám đốc Kế toán – Tài chính Công ty, Phụ trách kế toán Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam, Ủy viên Ban chấp hành Công đoàn Văn phòng Công ty

» Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

» Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có



Tổ chức và nhân sự (tiếp theo)

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

1. Số lượng cán bộ



Số lượng nhân sự

532 người

Tại thời điểm 31/12/2023)



Bình quân thu nhập đầu người

10,579 Triệu đồng/người/tháng

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ lao động	532	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	177	33,3%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	44	8,3%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	66	12,4%
4	Lao động phổ thông	245	46,1%
B	Theo thời hạn Hợp đồng lao động	532	100%
1	Không xác định thời hạn	287	53,9%
2	Có xác định thời hạn	245	46,1%
3	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	0,0%
C	Theo giới tính	532	100%
1	Nam	532	100%
2	Nữ	437	82,1%
Tổng cộng		532	532

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

VỀ ĐÀO TẠO

Để nâng cao chất lượng lao động và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của ngành nông nghiệp hiện đại, Công ty luôn thực hiện các buổi huấn luyện và đào tạo nghiệp vụ theo định kỳ. Những buổi đào tạo này được xây dựng chặt chẽ, tuân thủ đúng quy định và quy chế của Công ty nhằm bổ sung kiến thức, kỹ năng cụ thể cho từng nhóm công việc. Điều này không chỉ giúp nhân viên mở rộng hiểu biết mà còn đảm bảo sự chuyên nghiệp và hiệu quả trong công việc. Đồng thời, Công ty còn tổ chức các hội thảo để chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức về nông nghiệp góp phần tạo cơ hội học hỏi đồng thời giao lưu cho cả nội bộ và cộng đồng.

VỀ TUYỂN DỤNG

Công tác tuyển dụng nhân sự đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng đội ngũ nhân viên của Công ty. Quy chế tuyển dụng được xây dựng một cách chặt chẽ, phù hợp và công bằng. Bên cạnh đó, quá trình tuyển dụng được thực hiện một cách có kế hoạch và đảm bảo minh bạch giúp Công ty thu được những ứng viên có năng lực, đóng góp tích cực vào sự phát triển của tổ chức.

VỀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Công ty cam kết tạo ra một môi trường làm việc lành mạnh, đảm bảo đủ 8 giờ làm việc mỗi ngày. Chú trọng vào các yếu tố như thời gian làm việc, cơ sở vật chất, mối quan hệ giữa các cá nhân nhằm tăng cường tinh thần đồng đội và nâng cao hiệu suất làm việc. Không những thế, Công ty liên tục theo dõi và hoàn thiện môi trường làm việc để đáp ứng nhu cầu và mong muốn của cán bộ, nhân viên và người lao động.

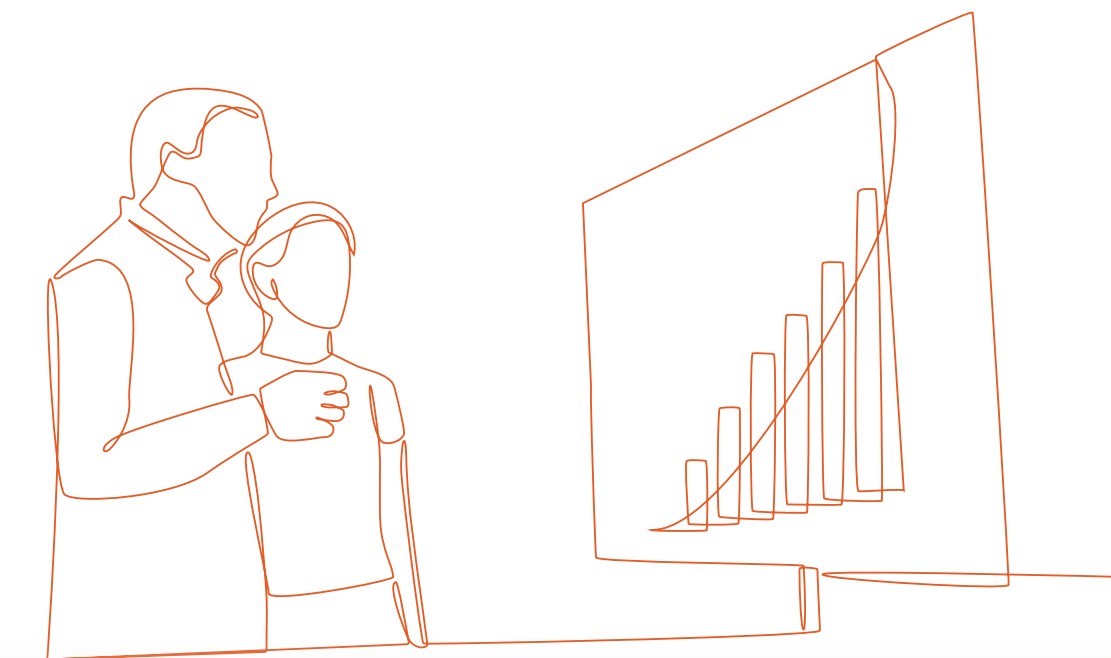
VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI VÀ ĐÃI NGỘ

Công ty xây dựng chính sách chi trả lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, tuân thủ đúng quy định của Nhà nước và bảo vệ quyền lợi của người lao động. Theo định kỳ, Công ty sẽ tổ chức các cuộc họp để xem xét và quyết định về việc tăng lương nhằm đảm bảo công bằng và thúc đẩy động lực làm việc. Ngoài ra, Công ty cũng cung cấp bữa ăn trong thời gian lao động, đảm bảo an toàn lao động, đặt sự chăm sóc và phúc lợi của nhân viên lên hàng đầu để xây dựng một đội ngũ làm việc đồng đội và sáng tạo.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN TRONG NĂM

STT	Tên tài sản	Giá trị (triệu đồng)
1	Hệ thống trộn NPK 3 màu tại NMPBCL	4.836
2	Thiết bị phá mẫu	235
3	Hệ thống làm lạnh dạng tấm hợp kim - DC Axit	2.680
4	Máy in date	125
5	Thùng chứa axit tuần hoàn G1005A	2.502
6	Thiết bị làm lạnh dạng tấm E1006b	1.370
7	Xe ô tô Toyota Corolla Altis HEV (ZWE211L-GEXVBU) -BKS 51K-882.29	862
8	Xe Ô tô 4 chỗ Camry (51K-727.12)	381
TỔNG CỘNG		12.990



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ (USD)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
Công ty TNHH Hoá chất Chất Hoá dẻo VINA (Công ty TNHH Hoá chất LG VINA)	115 Đường Nguyễn Huệ, Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh hoá chất	5.700.000	35%

Lợi tức Công ty nhận được trong năm 2023 là 56.642.040.000 đồng.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Năm 2023/ Năm 2022
1	Tổng giá trị tài sản	1.090.148	1.243.947	114,11%
2	Doanh thu thuần	2.009.051	1.558.965	77,60%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	64.076	4.254	76,87%
4	Lợi nhuận khác	(1.736)	7.727	-445,11%
5	Lợi nhuận trước thuế	62.340	56.981	91,40%
6	Lợi nhuận sau thuế	50.580	56.821	112,34%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	4%	(*)	125%

(*) Cổ tức năm 2023 được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,86	1,69
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,64	1,25
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	43,06%	47,46%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	75,64%	90,34%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,15	3,54
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,60	1,34
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	2,52%	3,64%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	8,40%	8,92%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	4,02%	4,87%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	3,19%	3,16%

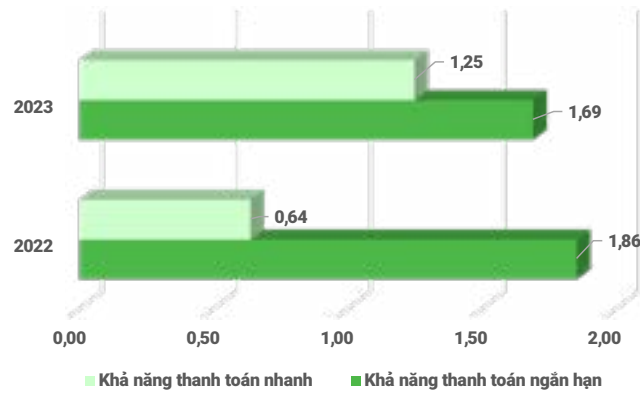


Tình hình tài chính

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

01

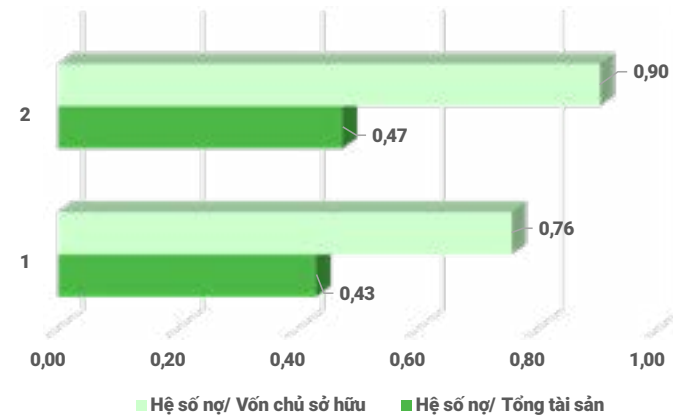


Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty trong năm 2023 đạt 1,69 lần và có sự giảm nhẹ so với cùng kỳ, nguyên nhân đến từ việc Công ty tăng các khoản vốn vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động. Tuy nhiên, hệ số này vẫn duy trì ở mức trên 1, cho thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn vẫn ổn định.

Hệ số thanh toán nhanh của Công ty tăng mạnh trong năm 2023, từ mức 0,69 cùng kỳ năm trước tăng lên mức 1,25 trong năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty hàng tồn kho (khoản mục chiếm tỷ trọng cao trong tài sản ngắn hạn) giảm 54,28%. Việc giảm hàng tồn kho này đã được lên kế hoạch từ trước để thực hiện chính sách quản lý hàng tồn kho của Công ty.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

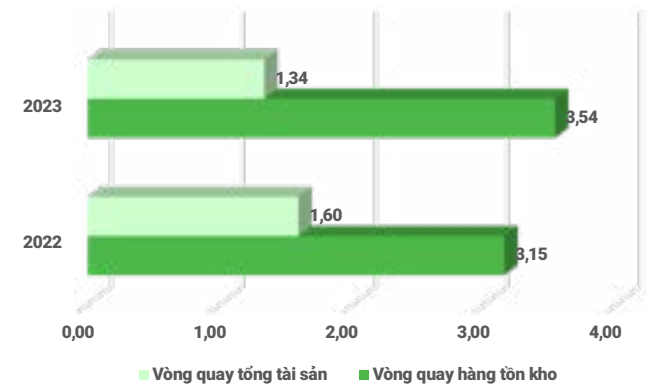
02



Trong 2023, công ty chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ trong các chỉ số liên quan đến cấu trúc vốn so với năm trước. Cụ thể, tỷ lệ nợ trên tổng tài sản tăng từ 43,06% năm 2022 lên 47,46% năm 2023. Tỷ lệ nợ so với vốn chủ sở hữu cũng tăng từ 75,64% lên 90,34% trong cùng kỳ. Sự tăng này chủ yếu do khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng mạnh, từ 270.410 triệu đồng năm 2022 lên 484.044 triệu đồng năm 2023, tăng 79% so với năm trước. Mục tiêu của việc tăng cường vay vốn này là để bổ sung vốn lưu động, hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

03

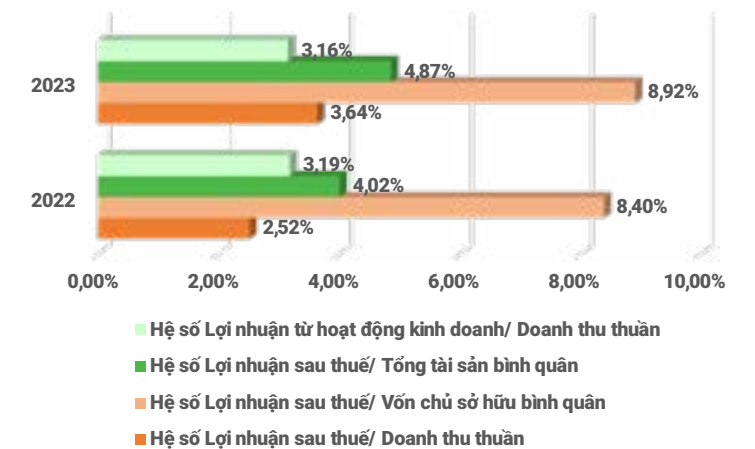


Vòng quay hàng tồn kho của Công ty năm 2023 là 3,53 vòng, tăng so với mức 3,15 vòng của năm 2022 do trong năm, do lượng hàng tồn kho của công ty giảm mạnh tại thời điểm 31/12/2023 so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số này thể hiện sự cải tiến khá rõ rệt trong việc quản lý và vận hành hàng tồn kho của Công ty. Tuy nhiên, với sự biến động không ngừng của thị trường phân bón hiện nay, Công ty vẫn sẽ thận trọng hơn nữa trong chính sách mua hàng để vừa tối ưu hóa hơn dòng tiền, vừa đảm bảo lượng hàng hóa để ổn định hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2023, công ty ghi nhận vòng quay tổng tài sản là 1,34 lần, giảm so với con số 1,6 lần của năm 2022, đến từ việc doanh thu thuần của Công ty có xu hướng giảm do tình hình chung của ngành trong năm. Dù gặp một số khó khăn trong nửa đầu năm 2023, công ty đã thực hiện các bước điều chỉnh và từ quý III trở đi, kết quả kinh doanh đã cải thiện rõ rệt. Mặc dù vòng quay tổng tài sản có sự giảm so với năm trước, nhưng công ty vẫn duy trì được đà tăng trưởng doanh thu theo từng quý trong năm 2023, cùng với việc cải thiện hiệu suất kinh doanh trong nửa cuối năm. Điều này cho thấy một tín hiệu tích cực về tiềm năng tăng trưởng và khả năng sinh lời của Công ty trong dài hạn.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

04



Trong năm 2023, với mức lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt mức tăng trưởng nhẹ, từ hơn 50 tỷ ở cùng kỳ năm trước lên mức hơn 56 tỷ đồng, tương đương mức tăng 12,34%, làm các chỉ số ROS, ROE, ROA đều có sự tăng trưởng, đạt lần lượt đạt 3,64%, 8,92% và 4,87%.

Riêng chỉ số Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần đạt mức giảm nhẹ, từ 3,19% năm 2022, còn 3,16% năm 2023. Sự sụt giảm này tuy không đáng kể, nhưng phản ánh những thách thức mà ngành phân bón phải đối mặt trong năm 2023.

Bên cạnh việc theo sát các chỉ tiêu để nắm rõ tình hình kinh doanh, thì Công ty cũng đã lên kế hoạch đẩy mạnh phát triển sản phẩm mới, mở rộng thị trường tiêu thụ và chọn lọc kênh phân phối phù hợp. Đây là những bước đi quan trọng để ổn định và cải thiện tình hình kinh doanh trong những năm tiếp theo.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
47.897.333	Cổ phần phổ thông	47.602.333	295.000

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	31.158.813	311.588.130.000	65,05%
II	Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI	-	-	-
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-
II	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	-	-	-
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-
III	Công đoàn công ty	167.642	1.676.420.000	0,35%
IV	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
V	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-
VI	Cổ đông khác	16.570.878	165.708.780.000	34,60%
1	Tổ chức	654.157	6.541.570.000	1,37%
2	Cá nhân	15.916.721	159.167.210.000	33,23%
Tổng cộng (II+III)		47.897.333	478.973.330.000	100,00%
Trong đó: - Trong nước		47.791.560	477.915.600.000	99,78%
- Nước ngoài		105.773	1.057.730.000	0,22%

(*) Căn cứ vào Danh sách cổ đông được chốt ngày 18/03/2024

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA

Căn cứ công văn số 4709/UBCK-PTTT ngày 18/07/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Phân Bón Miền Nam (SFG), tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tối đa của SFG là 0%.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2022 vừa qua, Công ty không phát sinh hoạt động tăng vốn chủ sở hữu. Từ năm 2017 đến năm 2022, vốn điều lệ của Công ty vẫn giữ nguyên ở mức 478.973.000.000 đồng.

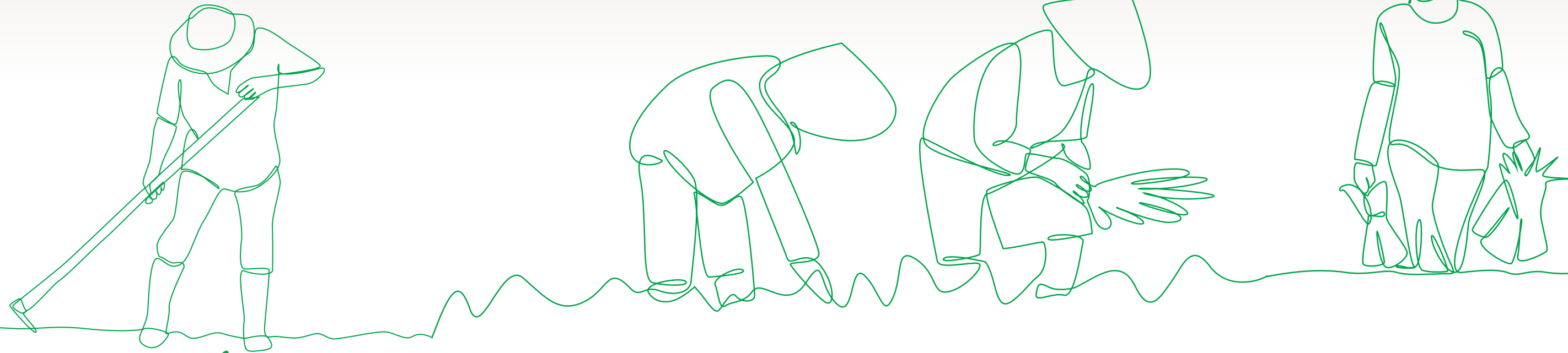
GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có





Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Phân Bón Miền Nam là Công ty sử dụng hóa chất để sản xuất phân bón và các sản phẩm hỗ trợ cho nông nghiệp. Nhận thức rõ về tác động tiêu cực của quá trình sản xuất đối với môi trường, Công ty đã đặt ra ưu tiên hàng đầu là xử lý chất thải một cách bền vững và hiệu quả. Để giải quyết vấn đề này, Công ty đã đầu tư xây dựng một hệ thống xử lý chất thải tuân thủ đầy đủ các quy định của cơ quan Nhà nước. Đồng thời, việc thiết kế nhà xưởng và văn phòng của Công ty được tối ưu hóa để tận dụng nguồn năng lượng sáng từ thiên nhiên, giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường.

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện kiểm tra định kỳ và nâng cấp các loại máy móc, thiết bị xử lý chất thải. Hành động này không chỉ giúp tăng cường khả năng xử lý chất thải mà còn giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Hàng năm, Công ty luôn đạt các yêu cầu về các chỉ tiêu đánh giá về tác động môi trường do cơ quan môi trường Bộ Công thương thực hiện. Điều này đảm bảo rằng Công ty luôn đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về các chỉ tiêu và thông số môi trường theo quy định, đồng thời thúc đẩy việc duy trì và cải thiện hiệu quả môi trường của hoạt động kinh doanh.

Không chỉ là một doanh nghiệp có trách nhiệm với môi trường, Công ty còn chú trọng vào việc phát triển và sản xuất các sản phẩm phân bón thân thiện với môi trường. Điều này không chỉ giúp nâng cao năng suất nông nghiệp mà còn đóng góp vào việc bảo vệ và duy trì sức khỏe của môi trường xung quanh.

Công ty Cổ phần Phân Bón Miền Nam là Công ty sử dụng hóa chất để sản xuất phân bón và các sản phẩm hỗ trợ cho nông nghiệp. Nhận thức rõ về tác động tiêu cực của quá trình sản xuất đối với môi trường, Công ty đã đặt ra ưu tiên hàng đầu là xử lý chất thải một cách bền vững và hiệu quả. Để giải quyết vấn đề này, Công ty đã đầu tư xây dựng một hệ thống xử lý chất thải tuân thủ đầy đủ các quy định của cơ quan Nhà nước. Đồng thời, việc thiết kế nhà xưởng và văn phòng của Công ty được tối ưu hóa để tận dụng nguồn năng lượng sáng từ thiên nhiên, giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường.

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện kiểm tra định kỳ và nâng cấp các loại máy móc, thiết bị xử lý chất thải. Hành động này không chỉ giúp tăng cường khả năng xử lý chất thải mà còn giảm thiểu nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Hàng năm, Công ty luôn đạt các yêu cầu về các chỉ tiêu đánh giá về tác động môi trường do cơ quan môi trường Bộ Công thương thực hiện. Điều này đảm bảo rằng Công ty luôn đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về các chỉ tiêu và thông số môi trường theo quy định, đồng thời thúc đẩy việc duy trì và cải thiện hiệu quả môi trường của hoạt động kinh doanh.

Không chỉ là một doanh nghiệp có trách nhiệm với môi trường, Công ty còn chú trọng vào việc phát triển và sản xuất các sản phẩm phân bón thân thiện với môi trường. Điều này không chỉ giúp nâng cao năng suất nông nghiệp mà còn đóng góp vào việc bảo vệ và duy trì sức khỏe của môi trường xung quanh.

TIÊU THỤ NƯỚC

Ngoài việc chú trọng tiết kiệm điện năng, Công ty cũng đặt một tầm quan trọng đặc biệt đối với việc sử dụng nước trong quá trình vận hành. Chính sách tiêu thụ tối ưu nước đã được Công ty áp dụng tại các nhà máy và khu văn phòng nhằm giảm thiểu sự lãng phí, tăng cường hiệu suất sử dụng nước. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tuyên truyền, khuyến khích mọi người sử dụng tài nguyên nước một cách có trách nhiệm và tiết kiệm. Thực hiện các chiến dịch tạo nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo vệ nguồn nước, hạn chế sự lãng phí qua đó Công ty mong muốn mỗi cá nhân đều đóng góp vào việc duy trì cân bằng và sự bền vững của nguồn nước.

Song song với việc đó, Công ty thực hiện kiểm tra định kỳ hệ thống nước để phát hiện và xử lý kịp thời mọi vấn đề, giảm thiểu thất thoát và đảm bảo rằng nguồn nước được sử dụng hiệu quả và bền vững trong dài hạn. Điều này là một phần quan trọng của cam kết của Công ty đối với bảo vệ môi trường và tài nguyên tự nhiên.



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Công ty tập trung chủ yếu vào việc sử dụng các nguyên liệu quan trọng như kali, DAP, Urê, lưu huỳnh, apatit và nhiều loại khác. Đối tác cung ứng những nguyên liệu này được lựa chọn cẩn thận để đảm bảo chất lượng đáp ứng đúng yêu cầu cao của Công ty. Nhận thức về tác động tiêu cực của các hóa chất này đối với môi trường, Công ty không chỉ tập trung vào việc chọn lựa nguồn cung ổn định mà còn đề cao quá trình vận chuyển và sản xuất có hiệu suất cao và ít tác động tiêu cực nhất đến môi trường.

Ngoài ra, việc nâng cấp máy móc, trang thiết bị là một phần quan trọng của chiến lược của Công ty nhằm đảm bảo quy trình sản xuất diễn ra hiệu quả và an toàn. Đồng thời, Công ty chú trọng vào việc phổ cập kiến thức về tỷ lệ hóa chất giúp nhân viên nắm vững công nghệ sản xuất mới nhất và tối ưu hóa quy trình từ đó tạo ra sản phẩm chất lượng, giảm thiểu chi phí sản xuất.

Hơn nữa, Công ty không chỉ coi trọng việc duy trì chất lượng sản phẩm mà còn đặt ra mục tiêu tối ưu hóa mọi khía cạnh của hoạt động kinh doanh liên quan đến hóa chất. Bằng cách này, Công ty không chỉ thể hiện cam kết với môi trường mà còn tối ưu hóa lợi ích kinh tế và xã hội trong quá trình sản xuất.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Bằng cách thực hiện các phương thức hoạt động tuân thủ đầy đủ với pháp luật về bảo vệ môi trường, Công ty không chỉ cam kết mà còn tập trung vào việc thực hiện một cách nghiêm túc xử lý chất thải theo đúng quy định. Mục tiêu chính của Công ty là tránh bất kỳ tình trạng vi phạm nào liên quan đến xử lý chất thải trong lĩnh vực môi trường.



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Điện năng là năng lượng chủ yếu được sử dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt trong Công ty và nhà máy. Để giảm tiêu thụ năng lượng và đảm bảo bền vững trong quá trình hoạt động, Công ty đã triển khai nhiều biện pháp hiệu quả. Một trong những biện pháp quan trọng nhất là việc đảm bảo rằng các máy móc và trang thiết bị hoạt động một cách tiết kiệm điện và năng suất. Đồng thời, Công ty đã tăng cường tuyên truyền tạo ra một tinh thần tiết kiệm năng lượng trong tất cả các cá nhân hoạt động trong Công ty.

Ngoài ra, vấn đề liên quan đến tiêu thụ năng lượng xăng và dầu trong quá trình vận chuyển cũng được Công ty chú trọng bằng cách áp dụng các biện pháp tiết kiệm, hợp lý bao gồm việc kiểm soát tốc độ, tối ưu hóa tuyến đường, sử dụng các phương tiện vận chuyển hiệu quả và duy trì định kỳ bảo dưỡng để giảm thiểu lãng phí năng lượng.

Bên cạnh đó, Công ty đã đề xuất và triển khai một loạt các biện pháp tiết kiệm năng lượng như kiểm tra và bảo trì máy móc thiết bị định kỳ, sửa chữa kịp thời để ngăn chặn ngưng máy đột xuất và hạn chế hao phí nguyên liệu, than đá, điện. Đồng thời, quản lý hiệu suất sản xuất để hạn chế sản phẩm không đạt chất lượng, giảm thiểu việc xử lý lại và tiết kiệm chi phí điện năng.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật lao động về quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động đảm bảo phù hợp với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bên cạnh đó, Công ty tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động đến người lao động, người sử dụng lao động và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Không những thế, Tăng cường giám sát việc thực hiện pháp luật lao động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Công ty cam kết tạo ra một môi trường làm việc tích cực, an toàn và công bằng.

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty không chỉ thành công trong lĩnh vực kinh doanh của mình mà còn chú trọng và thể hiện rõ trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương. Hành động này không chỉ là một biểu hiện của sự nhạy bén đối với nhu cầu xã hội mà còn thể hiện tinh thần đoàn kết và chăm sóc đối với những người cần giúp đỡ. Trong việc hỗ trợ cộng đồng, Công ty đã thực hiện nhiều hoạt động nhân đạo và từ thiện. Các hoạt động như ngày hội hiến máu tình nguyện, hỗ trợ gia đình khó khăn, vay tiền sửa chữa nhà, xây nhà tình nghĩa, và thăm hỏi những khu vực có công với cách mạng là những ví dụ khác về sự cam kết của Công ty đối với trách nhiệm xã hội.



Bên cạnh đó, Công ty không chỉ dừng lại ở những hoạt động trực tiếp mà còn tổ chức các hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về nông nghiệp cho cộng đồng nông dân ở địa phương và toàn quốc. Thông tin từ những buổi hội thảo này được tổng hợp và chia sẻ trên Website của Công ty nhằm hỗ trợ những nông dân không thể tham gia trực tiếp do vấn đề địa lý. Điều này không chỉ góp phần nâng cao kiến thức nông nghiệp mà còn thể hiện cam kết của Công ty đối với sự phát triển bền vững của cộng đồng nông dân.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Công ty chưa có hoạt động liên quan đến thị trường vốn xanh.



03 >>>

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2 Tình hình tài chính
- 3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 4 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 5 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỦA NĂM 2023

Trong bối cảnh nhiều khó khăn và thách thức, đặc biệt là ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19, chiến tranh thương mại, và cuộc chiến tranh quân sự Nga – Ukraine, Công ty đã phải đối mặt với những khó khăn lớn, từ giá cả nguyên liệu, năng lượng đến vận chuyển đồng thời thời tiết bất thường cũng gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, với tinh thần đoàn kết và sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và Ban Lãnh đạo Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty đã tích cực xây dựng và triển khai chương trình công tác linh hoạt, đồng thời đề xuất các chủ trương, giải pháp. Cùng với sự hỗ trợ từ Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Công ty đã khéo léo huy động nội lực, vận dụng sức mạnh của hệ thống lãnh đạo và thực hiện các nhiệm vụ chính trị để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra.

Công ty đang phải đối mặt với những thách thức trong sản xuất kinh doanh phân bón do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao. Điều này đã gây ảnh hưởng đến sản lượng và tiêu thụ, khiến cho kế hoạch không đạt được như dự kiến. Tuy nhiên, Ban Điều hành đã đưa ra nhiều giải pháp linh hoạt về sản xuất, tiêu thụ, và kinh doanh thương mại, đạt được các chỉ tiêu chính như giá trị sản xuất công nghiệp, doanh thu, lợi nhuận vượt kế hoạch. Điều này thể hiện sự linh hoạt và sẵn sàng ứng phó của Công ty trong bối cảnh khó khăn, đồng thời là kết quả của sự đoàn kết và quản lý hiệu quả.



NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trong năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước do sự hiệu quả trong hoạt động. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững, hoàn thiện và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Giám đốc.



Tình hình tài chính

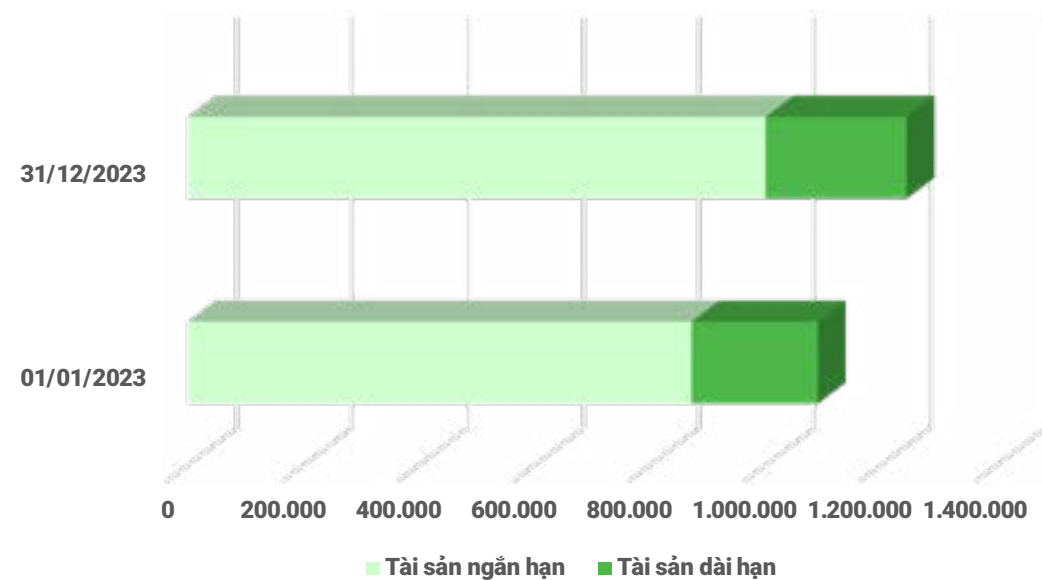
TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2023	Tỷ trọng	31/12/2023	Tỷ trọng	% Tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	871.564	79,95%	1.000.138	80,40%	114,75%
Tài sản dài hạn	218.584	20,05%	243.809	19,60%	111,54%
Tổng tài sản	1.090.148	100%	1.243.947	100,00%	114,11%

Tính tại thời điểm 31/12/2023, tổng tài sản của Phân bón Miền Nam ghi nhận sự tăng nhẹ, đạt 1.243.947 triệu đồng, tăng hơn 14% so với cùng kỳ. Xét về cơ cấu tỷ trọng, không có nhiều sự thay đổi trong cơ cấu Tổng tài sản, Tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu với 80,40% trong cơ cấu, đạt 1.000.138 triệu đồng, tăng 14,75% so với cùng kỳ trong năm 2022. Yếu tố trọng tâm làm Tài sản ngắn hạn tăng là các khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn, đạt 506.300 triệu đồng, tăng hơn 124,07% so với thời điểm cùng kỳ. Trong tình hình kinh tế khó khăn, ngoài lên kế hoạch cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng phân bổ nguồn tiền một cách hợp lý, an toàn như việc gửi tiền có kỳ hạn 6 tháng tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất 5,1% - 7,8%/năm.

Ngoài ra, khoản chi phí trả trước được ghi nhận vào tài sản dài hạn khác là các chi phí sửa chữa tài sản cố định tăng 38.570 triệu đồng cũng là yếu tố làm cho tài sản dài hạn tăng so với cùng kỳ.



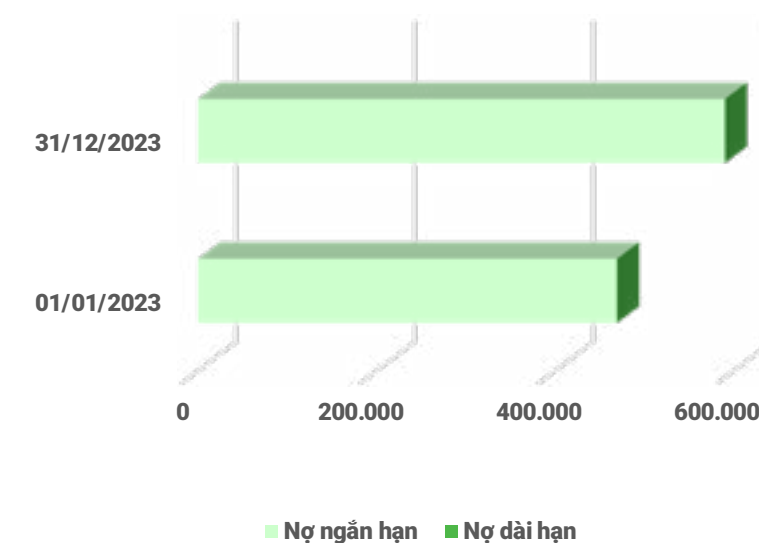
TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2023	Tỷ trọng	31/12/2023	Tỷ trọng	% Tăng giảm
Nợ ngắn hạn	469.098	99,92%	590.138	99,95%	125,80%
Nợ dài hạn	372	0,08%	268	0,05%	72,13%
Tổng nợ phải trả	469.470	100,00%	590.406	100,00%	125,76%

Tính từ thời điểm 31/12/2023, tổng nợ phải trả tăng mạnh do với năm trước, đạt 590.406 triệu đồng, tăng 25,76% so với cùng kỳ. Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn, chiếm 99,95% trong tổng nợ phải trả. Do đặc thù công ty thuộc ngành sản xuất nên nợ ngắn hạn phát sinh trong quá trình sản xuất, cụ thể là các khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Nợ dài hạn chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty, chiếm 0,05% trong cơ cấu. Ngoài ra, trong năm công ty đã thanh toán khoản vay dài hạn đối với Hợp đồng cho thuê tài chính phát sinh từ tháng 03 năm 2021. Theo đó, tính tới 31/12/2023, Công ty không chịu áp lực bởi khoản vay dài hạn nào.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

VỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

- Cải tiến hệ thống định lượng nguyên liệu đầu vào trên các dây chuyền sản xuất như trên dây chuyền NPK và dây chuyền sản xuất phân bón lá Yogen nhằm tối ưu hóa hiệu suất.
- Bổ sung thiết bị bọc áo dầu trên dây chuyền sản xuất NPK giúp nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất.
- Cải tạo lò hơi trong dây chuyền sản xuất NPK để duy trì nguồn hơi ổn định, hỗ trợ quá trình tạo hạt đồng đều và giảm phế.
- Nghiên cứu và chế tạo hệ thống sấy để nâng cao năng suất sản xuất sản phẩm SFJC Bio-Gold G.A.P.
- Sản xuất các sản phẩm xuất khẩu với thành phần dinh dưỡng đa dạng như NPK 14-14-14, NPK 15-15-15.

1

VỀ CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

- Đẩy mạnh hoạt động quảng cáo sản phẩm trên các phương tiện truyền thông đặc biệt là trên đài phát thanh và truyền hình để tăng cường nhận thức về sản phẩm.
- Phối hợp với các nhà khoa học, tổ chức đoàn thể nông dân để giải đáp vấn đề kỹ thuật canh tác và sử dụng phân bón mới.
- Xây dựng và kinh doanh một số sản phẩm trên sàn thương mại điện tử, mở rộng kênh tiếp thị và tiếp cận khách hàng hiệu quả hơn.

2

VỀ CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

- Nghiên cứu và áp dụng nguyên liệu tồn kho hiện có để giảm chi phí và tối ưu hóa nguồn lực.
- Thực hiện nghiên cứu để đưa vào sản xuất các sản phẩm mới có hàm lượng dinh dưỡng cao và phù hợp với từng loại đất, cây trồng.
- Xây dựng kế hoạch khảo nghiệm sản phẩm trên nhiều loại cây trồng khác nhau để đưa ra khuyến cáo và định hướng cho nông dân.

3

Nâng tầm nông sản Việt

VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

- Chủ động trong việc quản lý dòng tiền và sử dụng vốn vay một cách hợp lý để giảm chi phí tài chính.
- Xây dựng các quy chế quản lý tài chính và chính sách bán hàng để đảm bảo quản lý chi phí hiệu quả.
- Quản lý chặt chẽ chi tiêu nội bộ và thực hiện các giải pháp đôn đốc thu hồi công nợ.

4

VỀ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

- Ưu tiên thực hiện các dự án cấp thiết, nhanh chóng hoàn thành để phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh.
- Cải thiện và nâng cấp các dây chuyền sản xuất và thiết bị để tối ưu hóa hiệu suất.

5

VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ SẢN XUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

- Tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm cuối cùng.
- Phối hợp với nhà khoa học để bổ sung hoạt chất mới và nâng cao chất lượng nông sản.
- Hoàn thiện công tác 5S trong sản xuất kinh doanh, tăng cường quản lý chất lượng.

6

VỀ CHĂM LO ĐỜI SỐNG ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động, đảm bảo thu nhập và đời sống cho họ.
- Tổng thể, những nỗ lực và biện pháp mà Công ty đã thực hiện trong năm 2023 chứng tỏ sự quyết tâm trong việc phát triển và duy trì hoạt động kinh doanh, đồng thời đáp ứng các thách thức trong môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh và biến động.

7

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Dự kiến trong năm 2024, tình hình kinh tế chính trị thế giới sẽ đối mặt với nhiều thách thức và biến động phức tạp. Chiến tranh giữa Nga và Ukraine cùng với chiến tranh giữa Israel và Hamas đều tạo ra những ảnh hưởng lớn đối với nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế trong nước nói riêng. Các biến động không dự đoán được trong giá cả nguyên liệu, chiến tranh thương mại, biến đổi khí hậu, chính sách bảo hộ, và sự thu hẹp của diện tích canh tác đều góp phần làm gia tăng khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Trong bối cảnh này, dự báo rằng Công ty sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức. Chiến tranh thương mại và biến động không lường trước được về giá cả nguyên liệu có thể tạo ra những áp lực lớn về chi phí sản xuất. Thêm vào đó, sự không chắc chắn về thị trường và tình hình quốc tế có thể làm tăng sự khó khăn trong việc kế hoạch và dự báo tương lai.

Tuy nhiên, cũng có những điều tích cực có thể được nhìn nhận. Mở cửa thị trường của Trung Quốc có thể tạo ra cơ hội cho việc xuất khẩu và lưu thông hàng hóa, đặc biệt là nông sản. Việc giá cả nông sản tăng có thể tạo động lực cho nông dân tái đầu tư và góp phần tăng cường tiêu thụ các sản phẩm phân bón. Ngoài ra, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, mặc dù mang lại những thách thức, nhưng cũng mở ra những cơ hội lớn. Chuyển đổi số và áp dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh có thể giúp Công ty nâng cao năng suất, chất lượng, và hiệu quả trong quản lý điều hành. Việc áp dụng các công nghệ mới cũng có thể giúp Công ty thích ứng linh hoạt với những biến động và thách thức của thị trường, từ đó đạt được sự bền vững trong hoạt động kinh doanh.

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có



Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

ĐÁNH GIÁ VỀ MÔI TRƯỜNG

Ban Tổng Giám đốc nhận thấy rằng các hoạt động liên quan đến môi trường của Công ty đã tuân thủ kế hoạch được đề ra, tuân thủ đúng quy định và chủ trương của Chính phủ đồng thời điều này còn phản ánh sự phù hợp với xu hướng toàn cầu. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã hiệu quả xử lý chất thải mà không gây ảnh hưởng đến cảnh quan và môi trường, đồng thời tôn trọng đời sống của cư dân xung quanh. Sản phẩm của Công ty không chỉ đáp ứng các tiêu chí chất lượng mà còn hoàn toàn thân thiện với môi trường.

ĐÁNH GIÁ VỀ NHÂN SỰ

Tổng quan về năm 2023, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các vấn đề liên quan đến nhân sự đã được xử lý tốt và phù hợp. Công tác nhân sự từ tuyển dụng đến đào tạo đã được thực hiện hiệu quả. Mức lương của nhân viên đã được tăng cường, chính sách bảo hiểm, an toàn lao động và thưởng đều đạt mức cao. Bên cạnh đó, Công ty đã tạo ra một môi trường làm việc lành mạnh, công bằng và văn minh. Các hoạt động như buổi liên hoan và các sự kiện đoàn thể đã giúp giải tỏa căng thẳng và tăng cường tinh thần đoàn kết trong đội ngũ nhân sự.

ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG – XÃ HỘI

Ban Tổng Giám đốc đánh giá cao việc Công ty thực hiện các hoạt động liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. Các hoạt động hỗ trợ và tài trợ cho những gia đình và tổ chức gặp khó khăn không chỉ tạo dựng hình ảnh tích cực cho Công ty mà còn làm cho Công ty trở thành một đối tác đáng tin cậy cho cộng đồng. Công ty còn đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng bằng cách tuyển dụng lao động địa phương tạo cơ hội việc làm cho họ. Ngoài ra, việc tổ chức các buổi hội thảo nhằm nâng cao tay nghề cho nông dân địa phương cũng là một bước quan trọng trong việc hỗ trợ và phát triển cộng đồng.





04 >>>

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1 | Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 2 | Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- 3 | Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2023, HĐQT Công ty đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả, lợi nhuận năm 2023 đạt 285% so với kế hoạch, thu nhập bình quân của người lao động đạt loại khá. Đạt được kết quả nêu trên là sự cố gắng rất lớn của HĐQT Công ty, Ban điều hành và tập thể người lao động trong Công ty, cùng với sự tin tưởng, đồng hành của các quý vị Cổ đông.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty

Trong năm 2023, HĐQT Công ty đã chỉ đạo, giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc. Nhìn chung công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT đề ra, tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế và Quy định của Công ty trong hoạt động điều hành. Tình hình tài chính, các khoản chi phí được Ban Tổng Giám đốc kiểm soát chặt chẽ, quản lý tốt tiền hàng, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, đảm bảo được tình hình tài chính lành mạnh. Lợi nhuận đạt 285% so với kế hoạch. Đời sống của người lao động ổn định, môi trường làm việc ngày càng được cải thiện.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

TRÁCH NHIỆM CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo sát diễn biến thị trường và các lĩnh vực được phân công của từng thành viên HĐQT để đưa ra những giải pháp hiệu quả, linh hoạt; nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024.

VỀ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Theo dõi chặt diễn biến tỷ giá trên thị trường. Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, tăng cường phòng chống rủi ro về tài chính. Triển khai quyết liệt chương trình tiết kiệm, tiết giảm chi phí, sử dụng hiệu quả đồng vốn, thực hiện các giải pháp quản trị chi phí để hạ giá thành sản phẩm.

VỀ CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG - PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Kiểm toàn lại các hệ thống phân phối, đặc biệt chú trọng thị trường phía Bắc, Tây Nguyên, Phát huy lợi thế về thương hiệu Lân Long Thành để phát triển thị trường mới. Tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước để quảng bá sản phẩm. Tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh thương mại, kinh doanh hoá chất và tìm kiếm khách hàng để xuất khẩu phân bón.

VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VẬT TƯ

Thường xuyên dự báo thị trường để có kế hoạch dự trữ vật tư, nguyên liệu hợp lý, kiểm soát quá trình sử dụng nguyên liệu trong quá trình sản xuất. Quản trị tốt hàng tồn kho.

VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ

Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty phù hợp với sự thay đổi của Pháp luật và tình hình thực tế của Công ty.

VỀ CÔNG TÁC KỸ THUẬT SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ

Tiếp tục triển khai các hạng mục theo tiến độ đã được phê duyệt. Nghiên cứu các giải pháp và ứng dụng các giải pháp công nghệ mới kéo dài tuổi thọ thiết bị. Nghiên cứu phát triển, sản xuất ra các sản phẩm mới, đặc biệt chú trọng phát triển các sản phẩm hữu cơ bền vững.



05 >>>

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 1 Hội đồng quản trị
- 2 Ban kiểm soát
- 3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Hội đồng quản trị (tiếp theo)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (CP) (*)		Tỷ lệ sở hữu
			Cá nhân	Đại diện	
1	Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch HĐQT	-	-	-
2	Đặng Tấn Thành	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	-	61.935	0,129%
3	Trịnh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	-	3.049	0,006%
4	Ngô Ngọc Quang	Thành viên HĐQT độc lập	-	-	-
5	Hà Thái Sơn	Thành viên HĐQT	-	-	-

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Hàng quý hoặc đột xuất, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành các cuộc họp nhằm đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch của kỳ trước đó, phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh cho kỳ tiếp theo và hướng dẫn Ban Tổng Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trên toàn Công ty. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị xuất hiện trong quá trình sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc đều đưa ra để được Hội đồng quản trị xem xét và quyết định. Hội đồng quản trị không ngừng giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật và quy chế nội bộ đồng thời đảm bảo hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh.

HĐQT tổ chức 12 buổi họp, trong đó có 12 cuộc họp trực tiếp và ... lần tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch HĐQT	12/12	100%
2	Đặng Tấn Thành	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	12/12	100%
3	Trịnh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	12/12	100%
4	Ngô Ngọc Quang	Thành viên HĐQT độc lập	6/12	50%
5	Hà Thái Sơn	Thành viên HĐQT	12/12	100%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo quy mô hoạt động, Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị cùng chỉ đạo và giám sát hoạt động theo năng lực chuyên môn của cá nhân với tinh thần và trách nhiệm cao nhất.

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

Tổng cộng trong năm đã có ban hành 40 Nghị quyết, Quyết định Hội đồng quản trị được ban hành để Ban điều hành làm cơ sở thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	13/01/2023	Hội đồng quản trị họp Thông qua kế hoạch sản xuất - kinh doanh Quý I/2023 và thông qua một số chỉ tiêu chính trong báo cáo tài chính Quý IV/2022.	100%
2	02/QĐ-HĐQT	13/01/2023	Quyết định về việc giao kế hoạch Sản xuất – Kinh doanh Quý I/2023.	-
3	03/NQ-HĐQT	22/02/2023	Hội đồng quản trị họp và thông qua các nội dung chính như sau: Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách Cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Thông qua một số chỉ tiêu chính báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán. Đồng ý Quỹ tiền lương được sử dụng để chi cho Người lao động và Người quản lý năm 2022 của Công ty theo Tờ trình số 221/TTr-PBMN Thông qua Quy chế tiếp Người lao động và Công dân Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam theo nội dung tờ trình số 205/TTr-PBMN.	100%
4	04/QĐ-HĐQT	22/02/2023	Quyết định phê duyệt bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam giai đoạn 2021-2026.	-
5	05/QĐ-HĐQT	22/02/2023	Quyết định về việc đưa ra ngoài quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam giai đoạn 2021-2026.	-
6	06/QĐ-HĐQT	22/02/2023	Quyết định phê duyệt quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam giai đoạn 2026-2031.	-
7	07/QĐ-HĐQT	22/02/2023	Quyết định ban hành Quy chế tiếp nhận Người lao động và công dân Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	-
8	08/QĐ-HĐQT	22/02/2023	Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 của Công ty.	-
9	09/NQ-HĐQT	16/03/2023	Hội đồng quản trị họp và thông qua: Phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất NPK theo công nghệ hơi nước thùng quay công suất 100.000 tấn/năm tại Nhà máy Phân bón Hiệp Phước theo nội dung Tờ trình số 309/TTr-PBMN; Chấp thuận giao cho Nhà máy Phân bón Cửu Long kinh doanh Phân bón lá Yogen và phân hữu cơ SJC Biogold G.A.P theo nội dung Tờ trình số 315/TTr-PBMN; Thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.	100%


Hội đồng quản trị (tiếp theo)
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
10	10/QĐ-HĐQT	17/3/2023	Phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất NPK theo công nghệ hơi nước thùng quay công suất 100.000 tấn/năm tại Nhà máy Phân bón Hiệp Phước.	-
11	11/NQ-HĐQT	18/4/2023	Nhất trí việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 theo nội dung Tờ trình số 488/TTr-PBMN ngày 12/4/2023 Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II/2023.	100%
12	12/QĐ-HĐQT	18/4/2023	Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II/2023.	-
13	13/QĐ-HĐQT	18/4/2023	Quyết định thành lập Ban Kiểm tra tư cách cổ đông năm 2023.	-
14	14/NQ-HĐQT	12/6/2023	Hội đồng quản trị họp triển khai quy trình bổ nhiệm 02 Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	-
15	15/NQ-HĐQT	13/6/2023	Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2022 cho Cổ đông Công ty Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Thông qua việc kiện toàn nhân sự Bộ phận Kiểm toán nội bộ Công ty theo nội dung Tờ trình số 796/TTr-PBMN. Thông qua việc ban hành định mức tiêu hao vật tư-kỹ thuật cho các sản phẩm đặc thù theo nội dung Tờ trình số 791/TTr-PBMN. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động và quản lý điều hành Công ty theo nội dung Tờ trình số 805/TTr-PBMN. Chấp thuận để Tổng Giám đốc Công ty bổ nhiệm các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc các phòng chức năng Công ty theo nội dung Tờ trình số 797/TTr-PBMN.	-
16	16/QĐ-HĐQT	13/6/2023	Quyết định về việc thôi kiêm nhiệm thành viên, Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ Công ty.	-
17	17/QĐ-HĐQT	13/6/2023	Quyết định về việc kiện toàn Bộ phận Kiểm toán nội bộ Công ty.	-
18	18/QĐ-HĐQT	13/6/2023	Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động và quản lý điều hành Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	-
19	19/QĐ-HĐQT	14/6/2023	Quyết định về việc ban hành định mức tiêu hao vật tư - Kỹ thuật cho các sản phẩm đặc thù của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	-

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
20	20/NQ-HĐQT	17/7/2023	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III/2023; Thông qua Báo cáo tài chính Quý II năm 2023; Chấp thuận chủ trương triển khai đầu tư dự án Bồn chứa Axit H2SO4 tại Nhà máy Super Phốt phát Long Thành.	100%
21	21/QĐ-HĐQT	17/7/2023	Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III/2023.	-
22	22/NQ-HĐQT	31/7/2023	Quyết nghị: Quyết định bổ nhiệm có thời hạn ông Trịnh Quốc Hùng, Giám đốc phòng Tổ chức – Hành chính Công ty giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam; Quyết định bổ nhiệm có thời hạn ông Đỗ Văn Tuấn, Kế toán trưởng Công ty giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam; Giao bà Nguyễn Thị Hương Phó Giám đốc phòng Kế toán – Tài chính Công ty phụ trách Kế toán Công ty cho đến khi Hội đồng quản trị có quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng mới của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam; Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	100%
23	23/QĐ-HĐQT	31/7/2023	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	-
24	24/QĐ-HĐQT	01/8/2023	Quyết định bổ nhiệm ông Đỗ Văn Tuấn, Kế toán trưởng Công ty giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	-
25	25/QĐ-HĐQT	01/8/2023	Quyết định giao bà Nguyễn Thị Hương Phó Giám đốc phòng Kế toán – Tài chính Công ty phụ trách Kế toán Công ty cho đến khi Hội đồng quản trị có quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng mới của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	-
26	26/QĐ-HĐQT	01/8/2023	Quyết định bổ nhiệm ông Trịnh Quốc Hùng, Giám đốc phòng Tổ chức – Hành chính Công ty giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc phòng Tổ chức – Hành chính Công ty Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	-
27	27/NQ-HĐQT	11/8/2023	Thông qua báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2023 đã soát xét	100%

Hội đồng quản trị (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
28	28/NQ-HĐQT	30/8/2023	Chấp thuận chủ trương triển khai quy trình bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc phòng Kỹ thuật – Sản xuất phụ trách công tác An toàn lao động, đầu tư xây dựng, môi trường từ nguồn nhân sự tại chỗ, có trong quy hoạch của Công ty; Chấp thuận để Tổng Giám đốc Công ty bổ nhiệm có thời hạn ông Đặng Thanh Định – Phó Giám đốc Nhà máy Phân bón Cửu Long giữ chức vụ Giám đốc Nhà máy Phân bón Cửu Long; Thông quy hạn mức vay vốn, phát hành LC tại 02 ngân hàng có quan hệ tín dụng với Công ty và hạn mức gửi tiền có kỳ hạn theo nội dung tờ trình số 1200/TTr-PBMN.	100%
29	29/QĐ-HĐQT	07/9/2023	Quyết định cử ông Đặng Tấn Thành, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền nam tham dự đoàn công tác tại Brazil do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tổ chức từ ngày 15/10/2023 đến ngày 25/10/2023.	-
30	30/NQ-HĐQT	25/9/2023	Chấp thuận để Tổng Giám đốc Công ty bổ nhiệm có thời hạn ông Nguyễn Đức Trường – Chuyên viên phòng Kỹ thuật – Sản xuất Công ty giữ chức vụ Phó Giám đốc phòng Kỹ thuật – Sản xuất Công ty.	100%
31	31/NQ-HĐQT	16/10/2023	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV/2023; Thông qua báo cáo tài chính Quý III/2023; Chấp thuận chủ trương kiện toàn chức danh Kế toán trưởng Công ty từ nguồn nhân sự tại chỗ có trong quy hoạch.	-
32	32/QĐ-HĐQT	16/10/2023	Quyết định giao kế hoạch Sản xuất - Kinh doanh Quý IV/2023.	-
33	33/NQ-HĐQT	16/10/2023	Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Bồn chứa hóa chất tại Nhà máy Super Phốt phát Long Thành.	100%
34	34/QĐ-HĐQT	16/10/2023	Quyết định phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Bồn chứa hóa chất tại Nhà máy Super Phốt phát Long Thành.	-
35	35/QĐ-HĐQT	19/10/2023	Quyết định về việc điều chỉnh thời gian cử cán bộ đi công tác nước ngoài, thời gian bắt đầu từ ngày 21/10/2023 đến ngày 29/10/2023.	-
36	36/NQ-HĐQT	28/11/2023	Thông qua kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Bồn chứa hóa chất tại Nhà máy Super Phốt phát Long Thành.	100%

STT	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
37	37/QĐ-HĐQT	28/11/2023	Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn Nhà thầu dự án Bồn chứa hóa chất tại Nhà máy Super Phốt phát Long Thành.	-
38	38/NQ-HĐQT	01/12/2023	Thông qua hạn mức vay vốn, phát hành LC tại ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh Bến Nghé.	100%
39	39/NQ-HĐQT	18/12/2023	Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam theo nội dung Tờ trình số 1748/TTr-PBMN. Thông qua việc ban hành định mức tiêu hao vật tư-Kỹ thuật cho sản phẩm Super Lân Long Thành (sử dụng quặng tuyển) của Công ty theo nội dung Tờ trình số 1766/TTr-PBMN. Thông qua hạn mức vay vốn, phát hành LC tại 13 Ngân hàng có quan hệ tín dụng với Công ty; hạn mức gửi tiền có kỳ hạn và các kiến nghị theo nội dung Tờ trình số 1773/TTr-PBMN. Thông qua việc xóa nợ các khách hàng do nợ phải thu không có khả năng thu hồi và đủ điều kiện xóa nợ theo quy định của pháp luật hiện hành, theo nội dung Tờ trình số 1774/TTr-PBMN.	100%
40	40/QĐ-HĐQT	18/12/2023	Quyết định ban hành định mức tiêu hao vật tư - kỹ thuật cho sản phẩm SUPER LÂN LONG THÀNH (sử dụng quặng Apatit tuyển) của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam.	-

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Không có.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Người phụ trách, Thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị Công ty: Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam đã cử các cán bộ quản lý tham gia tập huấn về công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, công bố thông tin do Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.


Ban Kiểm soát
DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (CP) (*)		Tỷ lệ sở hữu
			Cá nhân	Đại diện	
1	Võ Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Trần Châu Minh	Thành viên Ban Kiểm soát

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Đức Hoài	1/4	25%	100%	Đã miễn nhiệm ngày 28/4/2023
2	Ông Võ Anh Tuấn	3/4	75%	100%	Được bầu ngày 28/4/2023
3	Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	4/4	100%	100%	-
4	Bà Vũ Trịnh Diễm Hồng	1/4	25%	100%	Đã miễn nhiệm ngày 28/4/2023
5	Ông Trần Châu Minh	3/4	75%	100%	Được bầu ngày 28/4/2023

Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị đồng thời tham dự các cuộc họp giao ban hàng tháng của Công ty. Qua đó, Ban Kiểm soát nắm bắt được kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty từ đó đưa ra các đánh giá và nhận xét chặt chẽ về hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát cũng tham gia và có ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị góp phần đưa ra những quan điểm, đề xuất có tính chiến lược về công tác quản lý và điều hành của Công ty. Đặc biệt, Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư trong năm 2023 cũng như các điều khoản khác theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2023.

Ngoài việc tham gia vào các cuộc họp và giám sát các kế hoạch, Ban Kiểm soát tích cực kiểm tra và đảm bảo việc ban hành và thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được thực hiện đúng đối với công tác quản lý và điều hành Công ty. Ban Kiểm soát cũng kiểm tra việc tuân thủ các quy định về quản lý tài chính, kế toán và đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc sử dụng, luân chuyển và lưu trữ chứng từ kế toán. Đồng thời, Ban Kiểm soát cũng có trách nhiệm thẩm định các báo cáo tài chính định kỳ của Công ty và thực hiện kiểm soát định kỳ theo quy định. Ngoài các nhiệm vụ kế toán và tài chính, Ban Kiểm soát cũng thẩm định báo cáo quản trị Công ty và kiểm tra việc công bố thông tin theo quy định đối với Công ty niêm yết. Điều này giúp đảm bảo sự minh bạch và trung thực trong việc thông tin của Công ty được công bố công khai và đầy đủ.


Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát
LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

TT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập 2023 (đồng)
I Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch HĐQT	82.000.000
2	Đặng Tấn Thành	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	849.361.000
3	Trịnh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	710.248.000
4	Ngô Ngọc Quang	Thành viên HĐQT độc lập	70.000.000
5	Hà Thái Sơn	Thành viên HĐQT	405.358.000
II Ban Kiểm soát			
1	Võ Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát	330.890.000
2	Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên Ban Kiểm soát	38.000.000
3	Trần Châu Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	467.603.000
4	Phạm Đức Hoài	Trưởng Ban kiểm soát (đã miễn nhiệm ngày 28/04/2023)	520.592.000
III Ban Tổng Giám đốc			
1	Đặng Tấn Thành	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	(đã nêu ở trên)
2	Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	591.320.000
3	Trịnh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	(đã nêu ở trên)
4	Đỗ Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	592.239.000
IV Kế toán trưởng			
-	Nguyễn Thị Hương	Kế Toán Trưởng	173.024.000

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát (tiếp theo)

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có thay đổi trong năm

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Giá trị	Ghi chú
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ			
1	Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA	3.110.598.794	...
2	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất cần Thơ	54.738.000.000	...
3	Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	5.729.170.000	...
4	Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	449.074.129	...
5	Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	155.051.084	...
Mua hàng hóa, dịch vụ			
1	Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	50.701.807.471	...
2	Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	4.351.876.500	...
3	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất cần Thơ	229.562.304	...
4	Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	55.346.232.778	...
5	Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que hàn	73.809.400	...
6	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	14.512.220	...
7	Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	475.975.000	...
8	Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	140.277.778	...
Doanh thu tài chính - Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán			
1	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất cần Thơ	588.132.332	...
2	Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	30.534.290	...
Doanh thu tài chính - cổ tức được chia.			
-	Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA	56.642.040.000	...
Chia cổ tức			
-	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	12.463.525.200	...



06 >>>

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 1 Ý kiến của kiểm toán
- 2 Báo cáo tài chính được kiểm toán



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam được lập ngày 05 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 54, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên kết quả của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tình hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng bằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024

Chi nhánh Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC



Đào Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2202-2023-002-1

Kiểm toán viên

(Signature)

Đào Trung Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4700-2024-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Trình bày lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.000.137.911.222	871.563.708.057
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	63.710.209.396	17.557.593.990
111	1. Tiền		12.710.209.396	7.557.593.990
112	2. Các khoản tương đương tiền		51.000.000.000	10.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	506.300.000.000	154.800.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		506.300.000.000	154.800.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		148.769.899.229	106.519.222.703
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	150.098.300.552	122.640.035.779
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	6.617.489.591	8.399.918.376
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	8.821.199.121	5.820.287.883
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	08	(16.767.090.035)	(28.342.019.335)
140	IV. Hàng tồn kho	09	261.108.837.471	571.096.471.997
141	1. Hàng tồn kho		261.108.837.471	571.096.471.997
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.248.965.126	21.591.419.367
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	6.627.359.052	2.795.879.565
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.758.996.927	14.852.810.684
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	1.862.609.147	3.942.779.118
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		243.808.633.846	218.584.170.114
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		174.741.000	300.591.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	174.741.000	310.591.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	08	-	(10.000.000)
220	II. Tài sản cố định		148.773.586.994	162.340.868.836
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	66.278.481.619	76.811.119.979
222	- Nguyên giá		541.537.394.365	533.442.364.137
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(475.308.910.746)	(456.631.244.158)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	-	519.261.369
225	- Nguyên giá		-	1.246.227.273
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(726.965.904)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	82.545.103.375	85.010.487.488
228	- Nguyên giá		114.702.444.707	114.702.444.707
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(32.157.341.332)	(29.691.957.219)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	1.874.946.939	1.618.451.990
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.874.946.939	1.618.451.990
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	43.874.896.709	43.874.896.709
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		43.874.896.709	43.874.896.709
260	VI. Tài sản dài hạn khác		49.110.462.204	10.449.361.579
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	48.977.851.305	10.407.513.144
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	34	132.610.899	41.848.435
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.243.946.545.068	1.090.147.878.171

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(Trình bày lại) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		590.405.768.437	469.470.208.154
310	I. Nợ ngắn hạn		590.137.530.511	469.098.345.979
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	58.022.976.703	61.272.594.077
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	8.595.200.033	10.056.347.986
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	342.421.625	1.760.086.825
314	4. Phải trả người lao động		18.666.666.420	55.098.306.935
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	4.504.048.215	3.501.834.578
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	10.214.377.646	64.055.040.100
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	484.043.655.864	270.410.195.429
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		5.748.184.905	2.943.940.049
330	II. Nợ dài hạn		268.237.926	371.862.175
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	142.237.926	149.069.039
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	126.000.000	126.000.000
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	-	96.793.136
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		653.540.776.631	620.677.670.017
410	1. Vốn chủ sở hữu	22	653.540.776.631	620.677.670.017
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		478.973.330.000	478.973.330.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		478.973.330.000	478.973.330.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		91.722.508.590	78.213.308.772
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		7.390.923.137	7.390.923.137
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		75.454.014.904	56.160.108.108
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		18.633.153.484	5.520.536.264
421b	LNST chưa phân phối năm nay		56.820.856.420	50.579.571.844
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.243.946.545.066	1.090.147.878.171

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2024

Người lập

Trần Thị Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương

Chủ tịch Hội đồng Giám đốc



Đặng Tấn Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(Trình bày lại) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	1.560.100.299.383	2.023.242.986.180
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	1.135.360.195	14.191.856.967
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.558.964.939.188	2.009.051.129.213
11	4. Giá vốn hàng bán	26	1.471.060.651.014	1.859.659.956.631
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		87.904.288.171	149.391.172.582
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	82.736.084.687	38.096.218.271
22	7. Chi phí tài chính	28	33.011.952.307	36.776.019.010
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		22.217.195.071	32.544.916.471
25	8. Chi phí bán hàng	29	47.783.015.261	50.161.845.002
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	40.621.103.094	36.473.494.345
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		49.254.302.196	64.076.062.496
31	11. Thu nhập khác	31	8.793.010.756	4.566.459.901
32	12. Chi phí khác	32	1.066.380.505	6.302.335.943
40	13. Lợi nhuận khác		7.726.630.251	(1.735.876.042)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		56.988.932.447	62.340.186.454
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	250.838.491	10.896.649.870
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	34	(90.762.464)	863.964.740
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		56.820.856.420	50.579.571.844
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	1.186	956

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2024

Người lập

Trần Thị Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương



Đặng Tấn Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(Trình bày lại) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		56.980.932.447	62.340.186.454
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		26.176.473.206	25.193.461.786
03	- Các khoản dự phòng		410.579.644	(8.976.461.532)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		541.795.037	299.305.007
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(81.322.907.799)	(27.110.042.917)
06	- Chi phí lãi vay		22.237.195.071	37.544.916.471
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	219.965.073
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		25.034.067.606	84.511.330.342
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(35.979.116.792)	75.359.236.215
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		309.987.634.526	37.455.483.004
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (kể cả nợ vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(94.619.416.474)	43.520.013.891
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(42.401.867.648)	15.876.329.278
14	- Tiền lãi vay đã trả		(21.950.572.591)	(32.798.495.736)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(16.094.303.727)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.994.572.650)	(1.042.615.800)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		138.066.155.977	206.786.977.467
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(12.865.686.313)	(13.663.748.349)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		368.181.910	390.339.840
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(826.653.000.000)	(664.970.000.000)
24	4. Tiền thu lãi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		475.155.000.000	797.154.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		77.124.734.519	27.434.773.728
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(286.372.769.884)	146.349.965.219

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(Trình bày lại) VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.139.169.159.882	1.510.553.967.303
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(925.101.596.951)	(1.037.441.191.074)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		(530.895.632)	(434.102.496)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.074.815.550)	(9.589.505.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		194.461.851.749	(436.910.832.167)
50	Lưu chuyển tiếp thu thuần trong năm		46.155.237.842	(83.773.889.481)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		17.557.593.990	101.697.190.454
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.622.436)	(365.706.983)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	63.710.209.396	17.557.593.990

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2024

Người lập

Trần Thị Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương

Chủ tịch Giám đốc



Đông Tấn Thành



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty Phân bón Miền Nam thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300420500 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ chín (09) ngày 22 tháng 10 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 125B Đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 478.973.330.000 VND, tương đương 47.897.333 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND. Vốn điều lệ thực góp đến ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 478.973.330.000 VND;

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 532 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 678 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất phân bón, kinh doanh thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất phân bón các loại: Super lân, NPK, phân bón lá Yugen... (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác (không sản xuất tại trụ sở);
- Mua bán thiết bị, máy móc, phụ tùng thay thế và nguyên liệu phục vụ sản xuất phân bón và hóa chất;
- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị, dây chuyền sản xuất hóa chất;
- Sản xuất bao bì PP và PE (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh phân bón các loại (Super lân, NPK, phân bón lá Yugen...);
- Kinh doanh axit Sunfuric và các sản phẩm hóa chất khác;
- Kinh doanh bao bì PP và PE.

1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2023 giảm 5,36 tỷ VND (tương đương 8,6%) so với năm 2022. Chủ yếu là do:

- Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 450,09 tỷ VND (tương đương 22,4%), giá vốn hàng bán giảm 358,59 tỷ VND (tương đương 20,9%). Doanh thu thuần và biên lợi nhuận giảm chủ yếu do giá bán phân bón NPK và Axit sunfuric thương phẩm giảm nhiều so với năm 2022. Chính sách hạn chế xuất khẩu phân bón của Nga và Trung Quốc đã được dỡ bỏ khiến nguồn cung phân bón toàn cầu tăng trong khi nhu cầu phân bón trên thế giới giảm do tác động của lạm phát và suy thoái kinh tế làm cho giá phân bón, hóa chất giảm mạnh.
- Ngoài ra trong năm Công ty ghi nhận khoản Chi tức được chia từ Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA - Công ty liên kết, làm cho Doanh thu tài chính năm 2023 tăng 44,69 tỷ VND (tương đương 117,31%) so với năm 2022.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy Phân bón Hiệp Phước	Lô B2, Khu B, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh phân bón
Nhà máy Phân bón Cửu Long	Số 405, Quốc lộ 1A, xã Tân Hòa, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất kinh doanh phân bón
Nhà máy Super Phốt phát Long Thành	KCN Gò Dầu, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh phân bón
Nhà máy sản xuất Bao bì	C/3 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh bao bì

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng nội quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp liên hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Các ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Chỉ nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khác hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/cán phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phải trả cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định liên quan khác yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ hàng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có điều kiện ràng buộc.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị được nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các chế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền từng tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được lập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự định thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào các cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị 04 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất 39 - 50 năm
- Phần mềm quản lý 03 - 05 năm



2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuế hoạt động

Thuế hoạt động là loại hình thuế tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuế hoạt động được hạch toán: vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích của từng loại, nhưng tối đa không quá 03 năm, việc xác định thời gian sử dụng hữu ích theo đánh giá của bộ phận kỹ thuật Công ty, dựa trên hiện trạng và nhu cầu sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm đánh giá.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tố phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay và nợ phải trả thuế tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuế tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị liên tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí học tập, lương hàng, các khoản chiết khấu thương mại... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm tài chính. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm tài chính bản cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về báo cáo trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.20 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, thuê mặt bằng.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn được góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền chia phần chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi cổ đông báo cáo có tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chấp nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.23 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mức phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.24 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng, trả chậm;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm tài chính, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và hiệu lực có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm tài chính và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.27 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khẩn trương, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gần quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.28 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, không nhận sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phân quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý với bản chất của mối quan hệ hơn là bình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tiến hành hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
Tiền mặt	1.851.918.929	2.146.560.698		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.858.290.467	5.411.033.292		
Các khoản tương đương tiền ^(*)	51.000.000.000	10.000.000.000		
	63.710.209.396	17.557.593.990		

^(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 3,3%/năm đến 3,8%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	506.300.000.000	-	154.800.000.000	-
	506.300.000.000	-	154.800.000.000	-

^(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 5,1%/năm đến 7,8%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết						
- Công ty TNHH Hòa Phát Chế biến Sản phẩm Thủy sản Miền Bắc (Công ty TNHH Hòa Phát Thủy Sản)	47.874.896.709	-	-	47.874.896.709	-	-
	47.874.896.709	-	-	47.874.896.709	-	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do (Chứng khoán, Kênh ngoại hối Việt Nam, Chỉ số và Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý)

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2023 như sau:	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ nắm giữ	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Hòa Phát Thủy Sản Miền Bắc (VINA)	Hà Nội, Việt Nam	35,00%	35,00%	Sản xuất và kinh doanh chế biến thủy sản cho ngành thủy sản



5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
			(Trình bày lại)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	2.563.123.364	-	20.110.401.382	-
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	996.291.181	-	18.323.368.684	-
- Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa đến VINA	976.443.483	-	671.902.584	-
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinchem	-	-	95.617.514	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam - Xi nghiệp Sóc quy Hưng Nai	145.616.900	-	163.350.000	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam - Xi nghiệp Sóc quy Đồng Nai 2	444.771.860	-	855.762.600	-
Phải thu khách hàng là các bên khác	147.535.177.188	(16.677.090.035)	102.530.034.397	(28.262.019.335)
- Công ty TNHH Thương mại Ánh Viên	22.838.728.000	-	2.902.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Trung Hiếu	16.607.865.642	-	3.334.440.642	-
- Heartychem Corporation	11.356.953.969	-	-	-
- Công ty TNHH Đức Hạnh Mộc Châu	11.016.000.000	-	-	-
- Xi nghiệp Kinh doanh Lương thực Tổng Hợp Đường 8 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Hà Tĩnh	8.039.000.000	-	4.591.251.400	-
- Công ty TNHH MTV Phân bón Thịnh Nông	7.311.969.007	-	2.305.766.672	-
- Công ty TNHH Hồng Nhung	4.235.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Vật tư Nông nghiệp Tấn Anh	3.004.240.000	-	318.200.000	-
- Công ty TNHH Phân bón Nguyễn Ngọc	3.364.317.900	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tấn Tài	2.874.350.000	-	9.704.610.000	-
- Công ty Cổ phần Dân trí Phân bón Toàn Cầu	11.947.423.128	(10.249.754.731)	11.987.423.128	(6.668.403.592)
- Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Phú Sĩ	-	-	8.712.466.354	(8.712.466.354)
- Các khoản phải thu khách hàng	42.939.829.542	(6.427.355.804)	58.673.876.204	(12.881.149.389)
	150.098.300.552	(16.677.090.035)	122.640.035.779	(28.262.019.335)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	101.690.000	-	477.739.955	-
- Công ty TNHH MTV Dạm Ninh Bình	96.090.000	-	96.090.000	-
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	-	-	52.622.955	-
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	-	-	329.027.000	-
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinchem	5.600.000	-	-	-
Trả trước cho người bán là các bên khác	6.515.799.591	(90.000.000)	7.922.178.421	(80.000.000)
- Công ty TNHH MTV Phân bón Bình Nguyên	500.000.000	-	4.013.985.000	-
- Nanjing Keli Chemicals Co., Ltd	1.031.209.200	-	-	-
- Divine Enterprise (Hong Kong) Limited	1.731.804.750	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Phúc Lộc	-	-	2.325.000.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	3.252.785.641	(90.000.000)	1.583.193.421	(80.000.000)
	6.617.489.591	(90.000.000)	8.399.918.376	(80.000.000)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chỉ tiết theo nội dung				
- Phải thu về tạm ứng	199.860.642	-	386.976.855	-
- Ký cược, ký quỹ	57.200.000	-	75.000.000	-
- Phải thu KPCB, BIXHI, BEFYF, BIFUN	1.757.961.827	-	489.909.764	-
- Phải thu về thi tiết gửi	5.638.332.740	-	2.308.341.370	-
- Phải thu Công ty TNHH MTV Thương mại Phúc Lộc tiết lại chiện thanh toán theo Hợp đồng	671.842.192	-	-	-
- Phải thu khác	496.001.720	-	560.859.894	-
	8.821.199.121	-	3.820.287.883	-

7 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Phải thu khác là các bên khác	8.821.199.121	-	3.820.287.883	-
- Phải thu các Ngân hàng Thương mại lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.638.332.740	-	2.308.341.370	-
- Phải thu KPCD, BHXH, BHYT, BHTN	1.757.961.827	-	489.909.764	-
- Các đối tượng khác	1.424.904.554	-	1.022.036.749	-
	8.821.199.121	-	3.820.287.883	-
b) Dài hạn				
Chi tiết theo nội dung				
- Kỳ cược, kỳ quỹ	174.741.000	-	310.591.000	(10.000.000)
	174.741.000	-	310.591.000	(10.000.000)

8 SỰ XÁU

	31/12/2023		01/01/2023		Giá trị có thể thu hồi VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
	VND	VND	VND	VND		
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán có yêu cầu thu hồi						
Phải thu khách hàng	48.892.451.505	16.677.090.035	52.215.361.470	81.625.356.141	28.262.019.335	53.263.336.506
- Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hàng Lãng Group	-	-	-	1.521.971.400	(1.066.371.832)	456.601.568
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cầu	11.947.423.128	10.349.754.221	1.697.685.807	1.937.423.124	6.695.421.262	3.319.079.536
- Công ty TNHH MTV Thương mại Trung Phát	15.697.855.642	-	16.207.445.642	3.174.443.642	-	13.033.401.942
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Neco Hung	2.454.707.700	2.454.707.700	-	2.454.707.200	2.454.707.200	-
- Công ty TNHH Thương mại Logistics Phú Sĩ	-	-	-	3.712.166.354	3.712.166.354	-
- Các đối tượng khác	17.182.459.555	3.472.632.604	31.929.856.931	57.013.251.417	4.894.368.209	44.182.595.208
Trả trước cho người bán	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000	90.000.000	80.000.000
- Công ty TNHH Kỹ thuật Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Việt Nam	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000	90.000.000	80.000.000
Kỳ cược, kỳ quỹ dài hạn	-	-	-	10.000.000	10.000.000	-
- Các đối tượng khác	-	-	-	10.000.000	10.000.000	-
	48.892.451.505	16.767.090.035	52.215.361.470	81.625.356.141	28.352.019.335	53.273.336.506

9 : HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023 (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	156.456.436,778	-	339.338.496,794	-
Công cụ, dụng cụ	16.556.748	-	8.217.439	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	997.018.454	-	2.103.892.912	-
Thành phẩm	101.662.176.847	-	204.351.241.594	-
Hàng hoá	281.613.185	-	271.341.400	-
Hàng gửi đi bán	1.695.035.459	-	25.023.281.858	-
	261.108.837,471	-	571.096,471,997	-

10 : CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	31/12/2023	01/01/2023 (Trình bày lại)
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.847.446.939	1.618.451.990
- Dự án nâng cấp dây chuyền NPK 100.000 tấn/năm - Nhà máy Hiệp Phước	-	282.727.273
- Dự án Cao ốc Vầu phòng Công ty	780.443.567	780.443.567
- Dự án thi công Công trình kiểm định bến sá lan 300T - Nhà máy Long Thành	544.281.150	544.281.150
- Dự án thi công Bồn chứa hóa chất - Nhà máy Long Thành	330.222.222	-
- Dự án thi công Nhà kho số 7 - Nhà máy Cửu Long	192.500.000	-
- Dự án Đầu tư máy tráng màng PE và máy in 2 mặt - Nhà máy Bàu Lì	-	11.000.000
Sửa chữa lớn	27.500.000	-
- Sửa chữa nhà chứa than - Nhà máy Long Thành	27.500.000	-
	1.874.946,939	1.618,451,990

II : TÀI SẢN CÓ MỘT SỐ ĐẶC HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	Công cụ
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm (Số dư kỳ trước)	209.514.059,789	281.887.227,077	21.011.350,978	4.127.706,227	523.407.364,437
- Mua sắm mới	-	21.567.459,691	801,713,274	-	17.669.197,364
- Mua lại tài sản có được thuê tài chính	-	-	381,797,671	-	389.791,673
- Thanh lý, nhượng bán	(96.321,870)	(1.496.381,858)	(1.732.019,923)	-	(4.491.957,194)
- Phế loại	-	21.670,060	-	(11.670,000)	-
Số dư cuối năm	209,417,637,919	292,578,174,296	35,151,865,322	4,096,036,227	541,557,894,365
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm (Số dư kỳ trước)	186.874,212,471	22.654.455,513	31.205.019,459	4.095.716,075	456.631.244,438
- Kết thúc kỳ trước	5.259,461,847	16.254.860,743	1,407,056,231	160,340,576	23.592.610,347
- Thanh lý, nhượng bán	(96.321,870)	(1.096,541,858)	(3.702,049,923)	-	(4.894.457,194)
- Phế loại	-	21.670,060	-	(11.670,000)	-
Số dư cuối năm	189,821,152,399	251,349,434,418	29,405,037,295	4,221,286,601	478,308,910,746
Giá trị còn lại					
Trên ngày 01/01/2023	24.640,077,768	44.233,741,993	6.426,239,519	370,990,702	76,811,119,979
Trên ngày cuối năm	19,486,475,921	40,724,339,838	5,746,815,234	170,749,626	66,238,483,619
Trong đó:					
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình được ký đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	404.187.147,465 VND				

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.246.227.273	1.246.227.273
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.246.227.273)	(1.246.227.273)
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	726.965.904	726.965.904
- Khấu hao trong năm	138.469.696	138.469.696
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(865.435.600)	(865.435.600)
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	519.261.369	519.261.369
Tại ngày cuối năm	-	-

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	113.624.444.707	1.078.000.000	114.702.444.707
Số dư cuối năm	113.624.444.707	1.078.000.000	114.702.444.707
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	28.667.857.200	1.024.100.019	29.691.957.219
- Khấu hao trong năm	2.411.484.132	53.899.981	2.465.384.113
Số dư cuối năm	31.079.341.332	1.078.000.000	32.157.341.332
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	84.956.587.507	53.899.981	85.010.487.488
Tại ngày cuối năm	82.545.103.375	-	82.545.103.375

(*) Tài sản cố định vô hình tại Công ty là Quyền sử dụng đất tại địa chỉ 125B Cách Mạng Tháng Tám, phường 5, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh có thời hạn đến hết năm 2061 và Quyền sử dụng đất tại Lô B3, Khu B, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh có thời hạn đến năm 2048.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	308.057.565	2.055.357.089
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	216.130.073	665.739.613
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp	145.915.497	74.732.863
- Chi phí chờ phân bổ khác	5.957.255.917	-
	6.627.359.052	2.795.829.565
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	152.345.457
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	47.941.702.196	9.119.805.817
- Chi phí phân bổ chậm tốc	1.036.149.109	1.135.363.870
	48.977.851.305	10.407.513.144

45 . VAY VÀ NỢ KHUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	269,976,092,033	267,441,677,469	1,139,101,159,962	925,101,596,951	484,043,655,864	484,043,655,864
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh	77,109,005,763	77,109,005,763	587,578,159,353	466,773,493,653	712,812,377,463	272,913,571,663
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VTCB) - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh	140,109,333,819	140,109,653,519	294,537,081,067	267,609,511,274	177,660,273,607	123,009,273,607
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Tiền Giang	31,523,137,587	31,522,117,887	178,881,283,028	153,479,401,725	61,941,889,159	61,941,889,159
- Ngân hàng TNHH MTV V-shoeban Việt Nam - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh	8,700,000,000	8,700,000,000	40,347,072,279	31,211,455,580	17,539,568,345	17,539,568,345
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh 3	12,167,539,812	-	23,325,301,914	47,495,226,986	42,904,934,743	42,904,934,743
- Ngân hàng TNHH MTV CTBC (Việt Nam) - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh	-	-	26,296,767,646	21,741,051,795	8,550,810,146	8,550,810,146
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	366,373,653	-	9,921,178,514	366,533,652	9,921,178,514	9,921,178,514
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) - Chi nhánh Phú Lâm	-	-	2,889,401,716	-	2,889,401,716	2,889,401,716
Nợ dài hạn đến hạn trả	474,102,496	474,102,496	-	474,102,496	-	-
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Unilease	474,102,496	474,102,496	-	474,102,496	-	-
	270,410,195,429	267,915,779,965	1,139,101,159,962	925,555,699,447	484,043,655,864	484,043,655,864

45 . VAY VÀ NỢ KHUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Unilease	501,895,632	502,895,632	-	520,895,632	-	-
	501,895,632	502,895,632	-	520,895,632	-	-
Khấu giảm nợ tài chính						
- Khấu giảm nợ tài chính	(474,102,496)	(474,102,496)	-	(474,102,496)	-	-
	96,793,136	96,793,136	-	96,793,136	-	-

15. VAY VÀ NỢ THỰC TÀI CHÍNH

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	Hạn mức cho vay	31/12/2023
							VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Hợp đồng cho vay hạn mức số 22/21/02145/2022/ĐC-VN/MTM/MT/001/01/01 ngày 30/12/2022	Theo từng kỳ thanh toán	Không quá 12 tháng, theo từng kỳ thanh toán	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	400.000.000.000 VND (hoặc bằng ĐB là Mỹ (USD) tương đương)	112.015.571.497
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 005007028/N-CTD ngày 12/05/2021	Theo từng kỳ thanh toán	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư tài sản cố định	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	300.000.000.000 VND	127.007.771.607
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Nghé	Hợp đồng tín dụng số 03/022.7669910/HU111 ngày 18/11/2022	Theo từng kỳ thanh toán	Không quá 12 tháng theo từng kỳ thanh toán	Bổ sung vốn lưu động, phát hành nợ linh, mở L/C phục vụ mua động sản xuất kinh doanh	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	200.000.000.000 VND (hoặc bằng ĐB là Mỹ (USD) tương đương)	61.941.969.789
Ngân hàng TNHH MTV Phương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TC/AN/001/001/001 ngày 19/08/2022	Theo từng kỳ thanh toán	Không quá 12 tháng theo từng kỳ thanh toán	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	300.000 USD (hoặc Việt Nam Đồng (VND) tương đương)	17.899.566.359

16. VAY VÀ NỢ THỰC TÀI CHÍNH

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	Hạn mức cho vay	31/12/2023
							VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 1	Hợp đồng tín dụng số 1602-LAN-2022/11 ngày 20/04/2022	Theo từng kỳ thanh toán	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động, mở L/C mua hàng hóa nguyên vật liệu	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	60.000.000.000 VND (hoặc bằng ĐB là Mỹ (USD) tương đương)	41.934.914.740
Ngân hàng TNHH MTV CIMB (Việt Nam) - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Hợp đồng tín dụng số SHVN/004-17 ngày 27/12/2022 và các Hợp đồng sửa đổi liên quan	Theo từng kỳ thanh toán	12 tháng	Thanh toán nguyên vật liệu, chi phí đóng gói, điện, nước, chi phí quảng cáo, khuyến mãi và phí vận chuyển (bao gồm phí bốc dỡ)	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	1.000.000 USD (hoặc Việt Nam Đồng (VND) tương đương)	8.542.810.199
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (NTB)	Hợp đồng tín dụng số 513/294/21 ngày 08/12/2022	Theo từng kỳ thanh toán	Không quá 12 tháng theo từng kỳ thanh toán	Bổ sung vốn lưu động, mở L/C mua hàng hóa nguyên vật liệu và phát hành các kết cấu thép phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	100.000.000.000 VND (hoặc bằng ĐB là Mỹ (USD) tương đương)	9.921.178.514
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) - Chi nhánh Phú Lâm	Hợp đồng tín dụng số PHL/DN/002/11/0015 ngày 15/04/2022	Theo từng kỳ thanh toán	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ phục vụ ngành nông sản xuất kinh doanh và trong mua phát bán, bán chắt các loại phát hành L/C mở ngay L/C trả chậm, L/PAS L/C	Cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo	150.000.000.000 VND (hoặc bằng ĐB là Mỹ (USD) tương đương)	7.899.401.716
							481.041.654.664



15 VAY VÀ NGƯỜI BÀN NGẮN HẠN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Hình thức tài chính	Hợp đồng vay	Lãi suất	Tỷ lệ thuế	Thời hạn thanh toán	Tổng giá trị hợp đồng	Tổng số tiền thuế	31/12/2023	01/01/2023
							VND	VND
Công ty cho thuê và dịch vụ vận tải hàng không quốc tế	Hợp đồng cho thuê tàu charter	TAMCO	0%	24 tháng	1.258.300.000	1.290.375.640	-	1.300.995.632
							-	440.875.632
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng							-	(134.102.400)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng							-	96.793.136

16 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÀN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán là các bên liên quan	10.732.250.892	10.732.250.892	20.656.591.710	20.656.591.710
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	209.378.641	209.378.641	50.000	50.000
- Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	9.708.300.000	9.708.300.000	23.741.710	23.741.710
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	806.634.251	806.634.251	-	-
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	-	-	20.632.800.000	20.632.800.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn - XI nghiệp Hơi Kỹ nghệ Que hàn Diên Hòa	5.313.600	5.313.600	-	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn - XI nghiệp Hơi Kỹ nghệ Que hàn Bình Dương	2.624.400	2.624.400	-	-
Phải trả người bán là các bên khác	47.290.725.811	47.290.725.811	40.616.002.367	40.616.002.367
- Công ty TNHH Thương mại Xuất Nhập khẩu Thiệu Thiên Thành	3.436.937.500	3.436.937.500	324.000.000	324.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Hải Phòng	3.343.365.920	3.343.365.920	6.199.156.022	6.199.156.022
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Diêm Tấn	2.920.160.844	2.920.160.844	876.593.806	876.593.806
- Công ty TNHH Cơ khí Chín Mách	2.525.613.505	2.525.613.505	2.138.420.365	2.138.420.365
- Doanh nghiệp Tư nhân Dương Dự	3.138.732.612	3.138.732.612	1.340.961.187	1.340.961.187
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Quang Phát	2.346.451.200	2.346.451.200	3.198.111.251	3.198.111.251
- Công ty TNHH Thương mại và Cung ứng Dịch vụ Quang Thịnh Phát	1.750.413.718	1.750.413.718	-	-
- Các khoản phải trả người bán khác	27.829.050.512	27.829.050.512	26.538.759.736	26.538.759.736
	58.022.976.703	58.022.976.703	61.272.594.077	61.272.594.077

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên khác				
- Công ty TNHH Phân phối Minh Thống	4.200.000.000	4.200.000.000	2.260.000.000	2.200.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Tân Tạo QN	1.537.500.000	1.537.500.000	-	-
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty K&C Hà Tĩnh	1.424.563.200	1.424.563.200	-	-
- Heartchem Corporation	-	-	2.274.903.177	2.274.903.177
- Công ty TNHH Vương Kim Huệ	-	-	1.650.000.000	1.650.000.000
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	1.433.136.833	1.433.136.833	3.931.444.809	3.931.444.809
	8.595.200.033	8.595.200.033	10.056.347.986	10.056.347.986

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHA SỬ DỤNG

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp đầu năm (Đã nộp)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	5.675.221.463	5.675.221.463	-	-
- Thuế môn thuế, chấp hành	-	-	1.365.956.512	1.365.956.512	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.73.434.463	1.000.000.000	2.400.656.491	-	1.000.000.000	-
- Thuế thu nhập cá nhân	49.244.655	-	1.474.221.482	1.072.457.207	-	342.421.629
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	2.674.509.246	2.674.509.246	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	7.050.000	7.050.000	-	-
- Các khoản thuế, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	17.351.817	17.351.817	-	-
	3.942.779.118	1.700.000.000	11.655.111.052	10.392.608.281	1.002.609.147	342.421.629

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, vì thế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	547.267.728	260.645.248
- Chi phí chiết khấu, khuyến mãi	663.054.495	209.242.175
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp, làm hàng	2.365.092.849	2.175.373.321
- Chi phí phải trả khác	928.633.143	856.573.854
	4.504.048.215	3.501.834.578

20 . PHẢI TRẢ KHÁC:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a.1) Chi tiết theo nội dung		
- Các khoản KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	1.858.072.271	387.723.777
- Phải trả về cổ phần hoá	3.623.472.867	3.623.472.867
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	687.500.000	1.802.450.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	644.762.350	560.644.700
- L/C UPAS nội địa - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	-	31.306.860.000
- L/C UPAS nội địa - Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hiệp Phú	-	22.524.164.647
- Phải trả tiền giữ hộ Khu cư xá Nhà máy Long Thành	1.606.131.749	1.656.360.468
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.794.438.409	2.193.363.641
	10.214.377.646	64.055.040.140
a.2) Chi tiết theo đối tượng		
Phải trả khác là các Bên liên quan	3.641.472.867	3.665.472.867
- Tập đoàn Hòa chất Việt Nam	3.641.472.867	3.665.472.867
Phải trả khác là các Bên khác	6.572.904.779	60.389.567.233
- Phải trả các Cổ đông khác tiền (Cổ tức)	644.762.350	560.644.700
- Phải trả tiền giữ hộ Khu cư xá Nhà máy Long Thành	1.606.131.749	1.656.360.468
- Phải nộp khoản KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	1.858.072.271	387.723.777
- L/C UPAS nội địa - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	-	31.306.860.000
- L/C UPAS nội địa - Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hiệp Phú	-	22.524.164.647
- Các khoản phải trả, phải nộp các đối tượng khác	2.463.938.409	3.953.813.641
	10.214.377.646	64.055.040.140

20 PHẢI TRẢ KHÁC (Tiếp theo)

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	126.000.000	126.000.000
	126.000.000	126.000.000

21 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng ^(*)	142.237.926	149.069.039
	142.237.926	149.069.039

^(*) Doanh thu nhận trước là tiền cho Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA thuê đất theo Hợp đồng thuê đất số 07/ĐHTĐ ngày 25/09/2005 với thời gian thuê là 40 năm.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ thặng dư theo Công ước	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2022	478.973.330.000	59.915.520.529	7.390.923.127	55.864.577.956	581.664.120.612
Lãi ròng năm tài chính này	-	-	-	53.579.571.844	53.579.571.844
Trích Quỹ đầu tư phát triển ¹⁾	-	18.247.779.345	-	(18.297.779.241)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.650.555.529)	(3.650.555.529)
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	419.300.300	419.300.300
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty	-	-	-	112.000.000	112.000.000
Chi trả cổ tức	-	-	-	(9.579.456.000)	(9.579.456.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	478.973.330.000	78.213.208.772	7.390.923.127	56.190.108.108	620.677.670.017
Số dư tại ngày 01/01/2023	478.973.330.000	78.213.208.772	7.390.923.127	56.106.108.108	620.677.670.017
Lãi ròng năm tài chính này	-	-	-	56.820.656.420	56.820.656.420
Trích Quỹ đầu tư phát triển ²⁾	-	13.594.799.816	-	(13.590.399.816)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi ³⁾	-	-	-	(4.503.066.606)	(4.503.066.606)
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành ⁴⁾	-	-	-	112.000.000	112.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát ⁵⁾	-	-	-	112.000.000	112.000.000
Chi trả cổ tức ⁶⁾	-	-	-	(19.158.933.200)	(19.158.933.200)
Số dư tại ngày 31/12/2023	478.973.330.000	91.722.508.590	7.390.923.127	75.454.014.904	653.540.776.621

¹⁾ Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022 và Thông báo số 1063/TB-SGDHCM ngày 15/06/2022 về ngày đăng ký cuối cùng chốt quyền nhận Cổ tức năm 2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022	100,00	45.030.666.060
Trích Quỹ đầu tư phát triển	30,00	13.509.199.816
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10,00	4.503.066.606
Trích Quỹ khen thưởng Người quản lý Công ty (1,5 tháng lương bình quân thực hiện của Người quản lý Công ty chuyên trách)	0,36	163.750.000
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	0,29	132.000.000
Chi trả cổ tức (4% Vốn điều lệ, trong từng mỗi cổ phiếu nhận 400 đồng)	42,55	19.158.933.200
Lợi nhuận còn lại năm 2022 chưa phân phối	16,80	7.563.716.436

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
- Tập đoàn Hữu chất Việt Nam	65,05	311.588.130.000	65,05	311.588.130.000
- Cổ đông khác	34,95	167.385.200.000	34,95	167.385.200.000
	100	478.973.330.000	100	478.973.330.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	478.973.330.000	478.973.330.000
- Vốn góp cuối năm	478.973.330.000	478.973.330.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	560.644.700	570.684.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	19.158.933.200	9.579.466.600
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	19.158.933.200	9.579.466.600
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(19.074.815.550)	(9.589.505.900)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(19.074.815.550)	(9.589.505.900)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	644.762.350	560.644.700

d) Cổ phiếu	31/12/2023		01/01/2023	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	47.897.333		47.897.333	
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	47.897.333		47.897.333	
- Cổ phiếu phổ thông	47.897.333		47.897.333	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.897.333		47.897.333	
- Cổ phiếu phổ thông	47.897.333		47.897.333	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần.				
e) Các quỹ của công ty				
	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
Quỹ đầu tư phát triển	91.722.508.590		78.213.308.772	
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.390.923.137		7.390.923.137	
	99.113.431.727		85.604.231.909	

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

- a) Cam kết thuê hoạt động
- Công ty ký các hợp đồng thuê đất sau:
- Hợp đồng thuê đất theo trích đo bản đồ địa chính khu đất số 3710/TĐBĐ tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất từ năm 2007 đến năm 2043. Diện tích khu đất thuê là 95.606 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
 - Hợp đồng thuê đất tại lô B2 nằm trong Khu công nghiệp Hiệp Phước tại Đường số 1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất từ năm 2002 đến năm 2048. Diện tích khu đất thuê là 70.081,2 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một lần theo quy định hiện hành của Nhà nước.
 - Hợp đồng thuê đất theo tờ trích lục bản đồ địa chính số 214/2017 tại xã Tân Hòa, Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất từ năm 2018 đến năm 2046. Diện tích khu đất thuê là 36.395,2 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
 - Hợp đồng thuê đất tại lô C1/3 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng sản xuất. Diện tích khu đất thuê là 11.939,1 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hằng năm cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, thu hồi lô đất nêu trên.

b) Tài sản nhận giữ hộ

Chủng loại, quy cách	Đơn vị	31/12/2023		01/01/2023	
		Số lượng	Phẩm chất	Số lượng	Phẩm chất
- Supe Lân Long Thành dạng bột	Tấn	6.159,55	Bình thường	514,95	Bình thường
- Supe Lân Long Thành dạng hạt	Tấn	1.255,75	Bình thường	310,00	Bình thường
- Phân NPK các loại	Tấn	1.059,00	Bình thường	-	-
- Phân bón Miền Nam MK TV1.	Tấn	272,00	Bình thường	-	-
- Kẽm Sunphat	Tấn	117,30	Bình thường	-	-
- Borax Pentahydrate	Tấn	14,00	Bình thường	-	-
- Axit Sunfuric 2 (H2SO4)	Tấn	-	-	801,99	Bình thường

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
- Đô la Mỹ (USD)	5.385,91	4.351,22
- Đồng Kium (BKK)	201,37	201,37
d) Nợ kỳ đòi đòi kỳ lý		
	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Phú Sĩ	8.712.466.354	-
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Đông	3.669.353.250	3.669.353.250
- Công ty TNHH MTV Minh Thiện	2.052.498.348	2.052.498.348
- Công ty Cổ phần Công nông nghiệp Việt Mỹ	1.625.632.560	1.625.632.560
- Cơ sở kinh doanh Phân bón Thuận Văn Ngọc	1.026.767.935	1.026.767.935
- Bà Lê Thị Kim Mây	958.333.307	958.333.307
- Các đối tượng khác	5.533.811.903	2.250.769.313
	23.578.863.657	11.583.354.713

24. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	(Trình bày lại) VND
Doanh thu bán Nguyên vật liệu	401.512.717.636	652.143.734.870
Doanh thu bán Thành phẩm	1.149.384.418.040	1.363.455.420.484
Doanh thu khác	9.203.163.797	7.643.830.826
	1.560.100.299.383	2.023.242.986.180
	64.181.894.007	90.827.027.946

Trong đó: Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan
 Xem thông tin chi tiết tại Quyết định số 42.

25. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	567.867.420	11.757.873.297
Chiết khấu trả lại	31.532.160	2.026.269.670
Giảm giá hàng bán	535.960.618	407.714.000
	1.135.360.198	14.191.856.967



26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	(Trình bày lại) VND
Giá vốn Nguyên vật liệu đã bán	399.702.444.116	597.297.537.431
Giá vốn Thành phẩm đã bán	1.066.878.265.036	1.259.241.003.184
Giá vốn khác	4.479.941.862	3.121.616.016
	1.471.060.651.014	1.859.659.956.631
	111.334.053.451	442.946.873.414

Trong đó: Mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan
Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 42.

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	(Trình bày lại) VND
Lãi tiền gửi	23.812.655.889	21.937.688.077
Cổ tức, lợi nhuận được chia	56.642.040.000	4.782.015.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.613.162.726	7.714.731.217
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	53.941.434	59.162.212
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	664.254.638	3.595.733.569
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	4.918.196
	82.786.084.687	38.096.248.271
	57.260.706.622	6.957.440.654

Trong đó: Doanh thu tài chính nhận từ các bên liên quan
Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 42.

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	22.237.195.071	32.544.916.471
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	2.940.671.684	2.992.068.977
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.156.945.019	880.566.343
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	595.736.471	358.467.219
Chi phí tài chính khác	101.401.062	-
	33.031.952.307	36.776.019.010

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	534.947.632	470.628.078
Chi phí nhân công	4.593.751.295	4.199.326.558
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.898.369.763	32.920.240.670
Chi phí khác bằng tiền	15.755.946.571	12.571.649.696
	47.783.015.261	50.161.845.002

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.000.000	218.511.076
Chi phí nhân công	16.958.064.516	13.676.612.738
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.338.669.923	2.854.547.095
(Hoàn nhập)/ Chi phí dự phòng nợ khó đòi	410.579.644	(7.215.129.541)
Thuế, phí, lệ phí	1.008.901.001	657.094.495
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.748.387.453	13.826.558.308
Chi phí khác bằng tiền	8.144.500.557	12.455.300.174
	40.621.103.094	36.473.494.345

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	868.181.910	390.339.840
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng, cho thuê kho	1.241.888.555	827.090.908
Thu nhập từ bán phế liệu, dụng cụ	650.943.769	2.296.173.773
Thu nhập từ xử lý chênh lệch kiểm kê	1.098.398.750	253.885.019
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	2.665.637.320	-
Thu nhập khác	2.357.960.452	798.970.361
	8.793.010.756	4.566.459.901

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi thu gom phế liệu	218.337.500	592.003.500
Chi phí hỗ trợ, ứng hộ	102.000.000	83.000.000
Cấu khoản bị phạt	21.761.817	5.386.774.759
Chi phí khác	724.281.188	240.557.684
	1.066.380.505	6.302.335.943

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	(Trình bày lại) VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	56.980.932.447	62.340.186.454
Các khoản điều chỉnh tăng	976.917.166	4.573.532.441
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	523.104.846	1.521.441.516
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	306.544.771
- Trích trước Chi phí chiết khấu, khuyến mãi trong năm	453.812.320	2.745.546.154
Các khoản điều chỉnh giảm	(61.617.160)	(7.648.454.547)
- Chi phí lãi vay theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP còn được trả của năm 2020 chuyển sang	-	(583.094.694)
- Chi phí chiết khấu, khuyến mãi đã trích hoàn nhập trong năm	-	(7.065.369.853)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(61.617.160)	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	57.896.232.453	59.265.264.348
Thu nhập miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	(56.642.040.000)	(4.782.015.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(56.642.040.000)	(4.782.015.000)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.254.192.453	54.483.249.348
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	250.838.491	10.896.649.870
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm tài chính trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	219.965.071
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(2.113.447.638)	2.864.241.146
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	(16.094.303.727)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(1.862.609.147)	(2.113.447.638)

34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	132.610.899	41.848.435
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	132.610.899	41.848.435
b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	863.964.740
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(90.762.464)	-
	(90.762.464)	863.964.740

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông số lưu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	56.820.856.420	50.579.571.844
Các khoản điều chỉnh	-	(4.798.816.606)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(1.566.816.000)
- Thủ tục Hồ: đóng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	(122.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	56.820.856.420	45.780.755.238
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm tài chính	47.897.333	47.897.333
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.186	956

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 43, nội số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã quyết định điều chỉnh hồi tố căn cứ theo Thông báo Kết quả kiểm toán số 58/731-KTTN ngày 08/01/2024 của Kiểm toán Nhà nước. Theo đó chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60) trên Báo cáo Kết quả kinh doanh cũng đã được trình bày lại theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

Ngoài ra, như đã trình bày tại Thuyết minh số 22, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát từ Lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2023, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 trên báo cáo tài chính, cụ thể như sau:

	Năm 2022	
	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	45.030.666.060	50.579.571.844
Các khoản điều chỉnh	-	(4.798.816.606)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(4.656.816.606)
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	(132.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	45.030.666.060	45.780.755.238
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm tài chính	47.897.333	47.897.333
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	940	956

Tại ngày 31/12/2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm tài sản, cổ phiếu.

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022 (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	789.427.275.387	1.078.254.478.600
Chi phí nhân công	81.436.481.062	122.718.978.563
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.176.473.206	25.585.078.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.972.585.153	157.793.961.402
Chi phí khác bằng tiền	52.614.745.217	45.312.538.673
(Hoàn nhập)/ Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	385.769.316	(7.215.129.541)
	<u>1.032.613.329.321</u>	<u>1.442.429.906.667</u>

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu nguyên vật liệu...

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.858.290.467	-	-	61.858.290.467
Phải thu khách hàng, phải thu khác	142.242.409.638	174.741.000	-	142.417.150.638
Các khoản cho vay	-	-	-	-
	204.100.700.105	174.741.000	-	204.275.441.105
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.411.033.292	-	-	15.411.033.292
Phải thu khách hàng, phải thu khác	98.198.304.327	300.591.000	-	98.498.895.327
Các khoản cho vay	-	-	-	-
	113.609.337.619	300.591.000	-	113.909.928.619

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	484.043.655.864	-	-	484.043.655.864
Phải trả người bán, phải trả khác	68.237.354.349	126.000.000	-	68.363.354.349
Chi phí phải trả	4.504.048.215	-	-	4.504.048.215
	556.785.058.428	126.000.000	-	556.911.058.428
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	270.410.195.429	96.793.136	-	270.506.988.565
Phải trả người bán, phải trả khác	125.327.634.177	126.000.000	-	125.453.634.177
Chi phí phải trả	3.501.834.578	-	-	3.501.834.578
	399.239.664.184	222.793.136	-	399.462.457.320

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đầu tư.

38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm tài chính		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	1.139.169.159.882	1.510.553.967.303
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm tài chính		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	925.101.596.951	1.937.441.191.074
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	530.893.632	434.102.496

39. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 02/03/2022, Công ty nhận được Thông báo số 47/TB07-CCT của Chi cục Thuế Quận Bình Tân liên quan đến khoản truy thu tiền thuê đất cho giai đoạn từ năm 2011 đến tháng 07/2019 tại khu đất diện tích 4.937,3 m² tại số 368 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân - khu đất đã được Công ty bán giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất từ ngày 23/07/2019 theo Quyết định thu hồi số 154/QĐ-UBND ngày 17/01/2015 của UBND Thành phố. Theo đó, số tiền thuê Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam còn nợ cho giai đoạn từ năm 2011 đến tháng 07/2019 là 8.987.268.444 VND.

Qua các văn bản làm việc, ngày 22/09/2022 Công ty đã có buổi làm việc trực tiếp với Chi cục Thuế Quận Bình Tân, căn cứ theo biên bản làm việc phía Công ty đã có ý kiến về việc số tiền thuê nêu trên được cơ quan thuế xác định chưa đúng mục đích sử dụng đất thuê từ năm 2011 đến ngày 23/07/2019 là đất thuê dịch vụ thay vì đất sản xuất kinh doanh theo khoản 1, điều 1 của Hợp đồng thuê đất số 10181/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 25/10/2006. Công trung buổi làm việc này, các bên đã thống nhất trong thời gian chờ phúc đáp của Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về mục đích sử dụng đất của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam, Công ty sẽ tạm thực hiện nghĩa vụ tiền thuê theo mục đích sử dụng đất là đất cơ sở sản xuất kinh doanh theo khoản 1, điều 1 của Hợp đồng thuê đất số 10181/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 25/10/2006. Theo đó, số tiền phải nộp từ tháng 01/2011 đến tháng 07/2019 là 6.604.971.821 VND (trong đó, Công ty đã nộp 3.085.615.008 VND tiền thuê đất cho giai đoạn từ năm 2011 đến hết năm 2014 theo Biên bản kiểm toán năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước) và tiền chậm nộp phát sinh đến ngày 30/09/2022 là 1.510.714.101 VND.

Ngày 30/09/2022, Công ty đã nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính (lạm nộp) tiền thuê đất còn phải nộp là 3.519.356.813 VND và tiền chậm nộp phát sinh đến ngày 30/09/2022 là 1.510.714.101 VND.

Ngày 12/06/2023, Công ty đã nhận được Văn bản số 5185/STNMT-QLĐ của Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc xác định mục đích sử dụng đất tại khu đất nêu trên. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh đã có ý kiến gửi Cục thuế Thành phố, cụ thể "Khu đất 368 Đường Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân được sử dụng làm nhà xưởng hạ tầng, do đó theo quy định pháp luật đất đai quy định thuộc "Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp" nằm trong "đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp".

Ngày 20/06/2023, Công ty đã gửi Công văn số 869/CV-PBMN đến Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục thuế Quận Bình Tân về việc đề nghị tính lại tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp khu đất số 368 Đường Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân.

Ngày 24/11/2023, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục thuế Quận Bình Tân đã có Thông báo số 27996/TB-CCTBT về tiền thuê đất theo hình thức nộp hằng năm. Cơ quan thuế đã xác định lại mục đích sử dụng đất là đất cơ sở sản xuất kinh doanh (nhà xưởng) với diện tích đất thuê là 4.937,3 m², đồng thời cũng đã xác định lại đơn giá thuê đất theo mục đích sử dụng đất nêu trên. Cũng theo thông báo này, cơ quan thuế đã xác nhiệm tổng số tiền thuê đất Công ty đã nộp ngoài sách nhà nước cho giai đoạn từ tháng 01/2011 đến tháng 07/2019 là 6.604.971.821 đồng, số tiền còn phải nộp 0 đồng.

40. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Căn cứ theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 06/02/2024 và các Quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 06/02/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty thông báo về việc bổ nhiệm nhân sự của Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam. Theo đó, Bà Nguyễn Thị Hương được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 06/02/2024.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.



41 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là bán các sản phẩm phân bón, hóa chất. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh chính đã được trình bày tại Thuyết minh số 24 và 26. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý:

	Doanh thu xuất khẩu	Doanh thu bán nội địa	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	109.963.848.440	1.449.001.090.745	1.558.964.939.185
Tổng chi phí mua tài sản cố định			12.989.983.037
Tài sản bộ phận	11.533.817.019	1.232.280.117.150	1.243.813.934.169
Tài sản không phân bổ			132.610.899

42 . NGHIỆP VỤ VÀ SỞ ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Định sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty mẹ
Trung tâm Thông tin Khoa học Kỹ thuật Hóa chất	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA (trước đây là: Công ty TNHH Hóa chất LG Vina)	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Dạm Ninh Bình	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào (VINACHEMSALT)	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Quốc hân	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xà phòng Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Supe Phốt phat và Hóa chất Lâm Thao	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bột giặt Net	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Ác quy Tia sáng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sơn - Chất dẻo	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Cùng Công ty mẹ

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	(Trình bày lại) VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.181.894.007	90.827.027.946
- Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA	3.110.598.794	3.948.049.931
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	54.738.000.000	78.736.650.000
- Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam	5.729.170.000	8.126.069.000
- Công ty TNHH MTV Dạm Ninh Bình	449.074.129	-
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	155.051.084	16.259.015
Mua hàng hóa, dịch vụ	111.334.053.451	442.903.948.354
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	50.701.807.471	84.672.767.721
- Công ty TNHH MTV Dạm Ninh Bình	4.351.876.500	154.772.500.000
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	-	16.000.000.000
- Công ty Cổ phần Phân lân và Hóa chất Cần Thơ	229.562.304	5.376.226.455
- Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	-	4.765.352
- Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	55.346.232.778	50.003.881.226
- Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Quốc hân	73.809.400	92.381.000
- Công ty Cổ phần Bột giặt Net	14.512.220	14.526.600
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	475.975.000	123.578.400.000
- Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	-	8.358.500.000
- Trung tâm Thông tin Khoa học Kỹ thuật Hóa chất	-	30.000.000
- Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	140.277.778	-
Doanh thu tài chính - Lợi bán hàng (trả chậm, chiết khấu thanh toán)	618.666.622	2.175.425.654
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	588.132.332	2.175.425.654
- Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	30.534.290	-
Doanh thu tài chính - Cổ tức được chia	56.642.040.000	4.782.015.000
- Công ty TNHH Hóa chất Chất hóa dẻo VINA	56.642.040.000	4.782.015.000
Chia cổ tức	12.463.525.200	6.231.762.600
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	12.463.525.200	6.231.762.600



Chức vụ	Thu nhập		
	Năm 2023 VNĐ	Năm 2022 VNĐ	
Thu nhập và Thù lao của người quản lý chủ chốt			
- Ông Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch HĐQT	82.000.000	72.000.000
- Ông Đặng Tân Thành	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	849.361.000	596.580.659
- Ông Trịnh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2023)	710.248.000	486.191.988
- Ông Ngô Ngọc Quang	Thành viên HĐQT	70.000.000	45.000.000
- Ông Hà Thái Sơn	Thành viên HĐQT	405.358.000	248.220.000
- Ông Lê Việt Hưng	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2022)	-	35.000.000
- Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	591.320.000	420.601.988
- Ông Đỗ Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2023)	592.239.000	405.125.848
- Bà Nguyễn Thị Hương	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 05/02/2024) Phụ trách kế toán (Từ ngày 01/08/2023 đến ngày 05/02/2024)	173.024.000	-
- Ông Võ Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2023)	330.890.000	189.564.500
- Ông Phạm Đức Hoài	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2023)	520.092.000	369.616.326
- Bà Nguyễn Thị Thủy Dương	Thành viên BKS	38.000.000	36.000.000
- Ông Trần Châu Minh	Thành viên BKS (Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2023)	467.603.000	-
- Bà Vũ Trịnh Diễm Hồng	Thành viên BKS (Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2023)	-	182.659.357

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

43. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 căn cứ theo Thông báo Kết quả kiểm toán số 58/118-KTNN ngày 08/01/2024 của Kiểm toán Nhà nước. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số (MS)	Đã trình bày trên	Trình bày lại theo	Chênh lệch
		Báo cáo năm trước VNĐ	Kết luận của Kiểm toán Nhà nước VNĐ	
Dàng Chín đối kế toán				
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng ⁽¹⁾	MS 131	119.974.049.325	122.640.035.779	2.665.986.454
- Hàng tồn kho ⁽²⁾	MS 141	571.505.485.132	571.096.471.997	(409.013.135)
- Tài sản cố định hữu hình Nguyên giá ⁽³⁾	MS 221	72.303.381.859	76.811.119.979	4.507.738.120
	MS 222	329.326.243.501	333.442.364.437	4.115.120.936
	MS 223	(457.022.861.642)	(456.631.244.458)	391.617.184
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ⁽⁴⁾	MS 342	1.074.170.840	1.618.451.990	544.281.150
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	MS 313	-	1.760.086.825	1.760.086.825
		-	1.760.086.825	1.760.086.825
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối LNST chưa phân phối năm nay	MS 421 MS 421b	50.551.202.324 45.030.666.069	56.100.108.108 50.579.571.844	5.548.905.784 5.548.905.784
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ⁽⁵⁾	MS 01	2.022.706.636.180	2.023.242.986.180	536.350.000
- Giá vốn hàng bán ⁽⁶⁾⁻⁽⁷⁾⁻⁽⁸⁾⁻⁽⁹⁾	MS 11	1.864.424.814.645	1.859.659.956.611	(4.764.858.034)
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	MS 20	144.089.964.568	149.391.172.582	5.301.208.014
- Doanh thu hoạt động tài chính ⁽¹⁰⁾	MS 21	35.966.611.817	38.096.248.271	2.129.636.454
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	MS 30	56.645.218.028	64.076.062.496	7.430.844.468
- Chi phí khác ⁽¹¹⁾	MS 32	6.180.484.084	6.302.335.943	121.851.859
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	MS 50	55.031.193.845	62.340.186.454	7.308.992.609
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành ⁽¹²⁾	MS 51	9.136.563.045	10.896.649.870	1.760.086.825
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	MS 60	45.030.666.060	50.579.571.844	5.548.905.784
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
- Lợi nhuận trước thuế	MS 01	55.031.193.845	62.340.186.454	7.308.992.609
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	MS 02	25.585.078.970	25.193.461.786	(391.617.184)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	MS 09	78.025.222.669	75.359.236.215	(2.665.986.454)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	MS 10	37.046.469.889	37.455.483.004	409.013.115
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	MS 21	(9.003.346.263)	(13.663.748.349)	(4.660.402.086)

Các Quyết định Báo cáo tài chính tương ứng cũng được trình bày lại để phù hợp với số liệu đã trình bày lại trên Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.



Chi tiết các điều chỉnh được thông báo Kết quả kiểm toán số 58/TH-KTNN ngày 08/01/2024 của Kiểm toán Nhà nước:

	Số tiền điều chỉnh VND
⁽¹⁾ Chi tiết bao gồm:	2.665.956.454
^(1a) Chi nhận bổ sung khoản lãi thanh toán quá hạn do ghi nhận chưa đúng kỳ	2.129.636.454
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	558.222.664
- Công ty TNHH Tường Nguyên	1.171.413.790
^(1b) Ghi nhận bổ sung doanh thu bán thành phẩm Super Lân do ghi nhận chưa kịp thời theo Điều 78 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	536.350.000
⁽²⁾ Chi nhận lãi suất kết chuyển giá vốn tương ứng phần doanh thu bán thành phẩm Super Lân ghi nhận chưa kịp thời	409.013.115
⁽³⁾ Chi tiết hóa gồm:	4.916.120.936
^(3a) Ghi nhận bổ sung Nguyên giá các máy móc thiết bị do chi phí sửa chữa nâng cấp đủ điều kiện hình thành Tài sản cố định theo khoản 4 Điều 4 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	4.916.120.936
- Chi phí sửa chữa hệ thống xử lý bụi Dây chuyền NPK tại Nhà máy Long Thành	3.070.120.936
- Chi phí sửa chữa hệ thống cung cấp hơi Dây chuyền hơi nước tại Nhà máy Cửu Long	1.846.000.000
^(3b) Ghi nhận giảm Nguyên giá máy móc thiết bị Hệ thống nổi hơi 3 T/1 tại Nhà máy Cửu Long	800.000.000
- Hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2022	678.148.141
- Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2022	121.851.859
⁽⁴⁾ Ghi nhận bổ sung Khấu hao phát sinh trong năm 2022 tương ứng với các Máy móc thiết bị đủ điều kiện hình thành Tài sản cố định	286.530.957
- Hệ thống xử lý bụi Dây chuyền NPK tại Nhà máy Long Thành	52.147.900
- Hệ thống cung cấp hơi Dây chuyền hơi nước tại Nhà máy Cửu Long	234.083.057
⁽⁵⁾ Điều chỉnh tăng chi phí xây dựng cơ bản dở dang do các phí công trình kiểm định bến số lau 300T ghi nhận không đúng kỳ	544.281.150
⁽⁶⁾ Điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp: phải nộp do doanh thu, chi phí thay đổi	1.760.086.828

Người lập

Trần Thị Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẶNG TẤN THÀNH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN MIỀN NAM

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẶNG TẤN THÀNH